

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẠI HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103003531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 7 số 0101640729 ngày 30/10/2014)



NCTS NỘI BÀI CARGO

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định chấp thuận niêm yết số: 490/QĐ-SGDHCM cấp ngày 9 tháng 12 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hoá Nội Bài

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3584 0905

Fax: (84.4) 3584 0906

Website: www.noibaicargo.com.vn

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ngô Quang Huy

Điện thoại: (84.4) 3584 0905

Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính kế toán – Phụ trách kế toán



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103007531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 7 số 0101640729 ngày 30/10/2014)

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3584 0905, Fax: (84.4) 3584 0906

Website: www.noibaicargo.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hoá Nội Bài

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: NCT

Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 24.920.934 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 249.209.340.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: Tầng 9 - Toà nhà HL - 82 Đường Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3755 7446

Fax: (84.4) 3755 7448

Website: www.uhyvietnam.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	4
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	11
2. Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty	19
3. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài	24
4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
5. Hoạt động kinh doanh	27
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	47
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	50
8. Chính sách đối với người lao động	55

9.	Chính sách cổ tức	57
10.	Tình hình hoạt động tài chính	58
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	64
12.	Tài sản	90
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	92
14.	Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	97
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	98
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	98
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	99
1.	Loại chứng khoán.....	99
2.	Mệnh giá.....	99
3.	Mã chứng khoán.....	99
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết:	99
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	99
6.	Giá trị sổ sách của cổ phiếu.....	100
7.	Phương pháp xác định giá.....	101
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	107
9.	Các loại thuế có liên quan	107
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	108
1.	Tổ chức tư vấn.....	108
2.	Tổ chức kiểm toán.....	108
VII.	PHỤ LỤC.....	108

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	15
Bảng 2: Các danh hiệu và giải thưởng Công ty đã đạt được	18
Bảng 3: Sản lượng hàng hóa Công ty phục vụ giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014.....	29
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo loại hình dịch vụ giai đoạn 2012 - 9 tháng 2014	31
Bảng 5: Cơ cấu giá vốn hàng bán giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014	32
Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty.....	35
Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014.....	36
Bảng 8: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty	39
Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	44
Bảng 10: Giá trị sản lượng theo một số khách hàng chính:	46
Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 9/2014	47
Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2014	55
Bảng 13: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm	57
Bảng 14: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty	58
Bảng 15: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản.....	58
Bảng 16: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giai đoạn 2012 – Quý 3/2014	59
Bảng 17: Số dư các quỹ giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014.....	59
Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014	60
Bảng 19: Các khoản phải trả của Công ty giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014.....	61
Bảng 20: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 2012 - 9 tháng năm 2014.....	61

Bảng 21: So sánh một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2012 - tháng 2014	- 9 62
Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013	90
Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2014	91
Bảng 24: Tình hình đất đai đến thời điểm báo cáo	91
Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức	92
Bảng 26: Kế hoạch đầu tư và thực hiện dự án năm 2014	94
Bảng 27: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	99
Bảng 28: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	100

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài.....	19
Hình 2: Sản lượng hàng hóa Công ty phục vụ giai đoạn 2012 – 9 tháng đầu năm 2014.....	30
Hình 3: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014.....	31
Hình 4: Tỷ trọng các chi phí giá vốn trong doanh thu thuần giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014.....	33
Hình 5: Biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014.....	37
Hình 6: Hình ảnh một số máy móc, thiết bị tiêu biểu của Công ty.....	40

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế.

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã bước đầu hội nhập với nền kinh tế thế giới và sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu. Do đó, khi nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp, nhiều nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn đang đối mặt với khủng hoảng nợ công và khủng hoảng tài chính, nền kinh tế trong nước cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng.

Giai đoạn năm 2011- 2013, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân chỉ đạt 5,44%/năm, giảm rõ rệt so với năm 2010 là 6,78%. GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, thấp hơn so với mục tiêu 5,5% đặt ra¹. Tình hình kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn, hàng loạt các doanh nghiệp phải đóng cửa. Chỉ tính riêng trong năm 2013, số doanh nghiệp phải dừng hoạt động là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm 2012. Đứng trước những khó khăn này, Đảng và Nhà nước đã và đang có những chính sách và biện pháp quyết liệt phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Là một Công ty cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá xuất nhập khẩu qua đường hàng không, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Công ty.

¹ Tổng Cục Thống Kê

**❖ Tình hình lạm phát**

Trong hai năm 2010 và 2011 tỷ lệ lạm phát ở mức hai con số lần lượt là 11,75% và 18,13%². Mức lạm phát cao gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhờ những chính sách và biện pháp quyết liệt của Đảng và Chính Phủ, tình hình lạm phát đã có những chuyển biến tích cực. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2012 giảm xuống còn 6,81% và năm 2013 đạt 6,04% - năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Trên cơ sở đó, mặt bằng lãi suất được giảm đáng kể, thị trường ngoại hối ổn định, mở ra những cơ hội thuận lợi cho môi trường sản xuất, kinh doanh trong nước. Trong năm 2014, Quốc Hội vẫn ưu tiên đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát và kết quả là tình hình chỉ số giá tiêu dùng trong 7 tháng đầu năm diễn biến khá khả quan, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2013.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, nếu lạm phát cao cũng ảnh hưởng xấu đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu – những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì vậy, bên cạnh việc Chính phủ đang có những giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát, quản lý biến động giá cả đầu vào để đưa ra những biện pháp hợp lý.

❖ Tỷ giá

Rủi ro về biến động tỷ giá luôn là thách thức đối với các công ty có hoạt động kinh doanh liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá như Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hoá Nội Bài. Với việc có các hoạt động kinh doanh với các đối tác nước ngoài, doanh thu từ ngoại tệ luôn chiếm một tỉ trọng nhất định trên tổng doanh thu của Công ty. Vì thế tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến giá thành cung cấp dịch vụ hàng hoá của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh. Tuy nhiên, nhờ các chính sách ổn định tiền tệ của Chính phủ, trong những năm gần đây tỷ giá ngoại tệ của đồng Việt Nam luôn được duy trì ở mức dao động thấp, vì thế rủi ro về tỷ giá Công ty phải đối mặt là tương đối thấp.

² Tổng Cục Thống Kê

2. Rủi ro về luật pháp

❖ Rủi ro về chính sách

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có thể có những tác động nhất định đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật của Luật Hàng không Dân dụng, luật Giao thông đường bộ, các quy định về thủ tục hải quan cũng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty do đặc thù của ngành là cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá. Bất kì thay đổi nào trong các quy định và luật định trên cũng có thể dẫn đến những kết quả bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, với việc cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá xuất nhập khẩu, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty chịu tác động không nhỏ từ các chính sách của Chính phủ đối với nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài và đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong nước. Mặc dù đã có những chính sách ưu đãi nhất định đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, các thủ tục hành chính rườm rà cũng như môi trường pháp lý, kinh doanh chưa chặt chẽ vẫn đang làm giảm khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút dòng vốn nước ngoài. Thuế xuất nhập khẩu đồng thời cũng tồn tại nhiều hạn chế, tạo ra rào cản cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp. Biểu thuế dàn trải quá rộng, khiến cho cơ cấu thuế trở nên phức tạp, chồng chéo, không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Việc luật pháp và chính sách của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, chưa bắt kịp được quá trình hội nhập gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ Rủi ro về chính trị

Trong năm 2013 và những tháng vừa qua năm 2014, tình hình chính trị của nhiều quốc gia trên thế giới xuất hiện nhiều bất ổn. Nhiều nước như Thái Lan, Ukraine vẫn chưa tìm được phương án chấm dứt tranh chấp và nội chiến. Quan hệ giữa các nước trong khu vực châu Á

đang hết sức căng thẳng sau những tranh chấp về chủ quyền biển đảo giữa các nước trên biển Đông và tranh chấp về khu vực nhận diện hàng không giữa Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nếu những bất ổn chính trị này còn kéo dài sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động hàng không cũng như nhu cầu giao thương, vận chuyển hàng hoá giữa các khu vực, qua đó tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế vĩ mô hay rủi ro về luật pháp nói trên, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của Công ty còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành cung cấp dịch vụ hàng hoá mà Công ty đang kinh doanh và những rủi ro cá biệt khác của Công ty.

❖ Về thị trường vận tải hàng không

Theo thống kê của Cục Hàng không Việt Nam, trong giai đoạn 2011 – 2013, sản lượng hàng hoá vận chuyển qua đường hàng không tăng trung bình hơn 12% một năm, lượng hành khách trung bình đạt 24,9 triệu lượt khách. Trong đó, năm 2013 sản lượng hàng hoá vận chuyển đạt xấp xỉ 630 nghìn tấn, tăng 19,6% so với năm 2012, phục vụ hơn 29,6 triệu lượt khách nội địa và quốc tế. Đặc biệt, sản lượng hàng hoá thông qua cửa khẩu sân bay Nội Bài tăng trên 24%, do sản lượng hàng hoá quốc tế (trong đó hàng hoá xuất – nhập khẩu của Công ty Samsung - Hàn Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất) tăng trưởng mạnh so với năm 2012. Hiệp hội Vận tải hàng không Quốc tế (IATA) dự báo trong năm nay thị trường vận tải hàng không của Việt Nam sẽ đứng thứ ba thế giới về tốc độ tăng trưởng vận tải quốc tế và đứng thứ hai về tăng trưởng vận tải hành khách trong nước.³

Mặc dù đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhưng ngành vận tải hàng không tại Việt Nam vẫn gặp những rào cản về đầu tư. Một là do lợi nhuận của ngành còn thấp, nhiều hãng bay tại Việt Nam đã tuyên bố phá sản như Indochina Airlines hoặc phải xin tạm dừng hoạt động như Air Mekong. Đây cũng chính là một đặc thù chung của ngành công nghiệp hàng không thế giới.

³ Theo Thông cáo báo chí ngày 14/01/2011 của Hiệp hội Vận tải Hàng Không Quốc Tế



Thêm vào đó, việc Chính phủ siết chặt quy định sử dụng vốn nước ngoài vào các dự án phát triển hàng không cũng khiến nguồn đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

Với hoạt động kinh doanh trọng tâm của Công ty là cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá vận chuyển qua cảng hàng không Nội Bài, tình hình kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tình hình phát triển của thị trường vận tải hàng không tại Việt Nam.

❖ **Về môi trường cạnh tranh**

Theo nghị định số 140/2007/NĐ-CP của Chính phủ, đến năm 2014 sẽ chấm dứt hạn chế trong tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp Logistics kinh doanh các dịch vụ kho bãi, dịch vụ đại lý vận tải và các dịch vụ hỗ trợ khác. Như vậy, các doanh nghiệp Logistics có thể thành lập công ty có 100% vốn nước ngoài. Điều này sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài, do các công ty nước ngoài luôn có lợi thế rất lớn về tiềm lực tài chính cũng như khoa học kỹ thuật, năng lực và kinh nghiệm quản trị.

❖ **Về mặt bằng khai thác**

Đòi hỏi lớn nhất của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics, phục vụ và xử lý hàng hóa là mặt bằng khai thác, hệ thống kho bãi. Mặc dù là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác dịch vụ hàng hóa tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài nhưng NCTS lại gặp trở ngại về quy mô mặt bằng khi khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài được quy hoạch lại để phục vụ cho việc mở rộng, nâng cấp.

Hiện tại, hệ thống kho bãi, mặt bằng khai thác của Công ty chủ yếu phải đi thuê lại với đơn giá phụ thuộc vào phía đơn vị cho thuê, điều này có thể làm ảnh hưởng đến kế hoạch chi phí và lợi nhuận của Công ty khi giá thuê mặt bằng tăng cao. Bên cạnh đó, hệ thống kho bãi của Công ty còn bị hạn chế bởi địa điểm phân tán, không tập trung, khiến công tác xử lý hàng hóa, vận chuyển không thuận tiện, làm tăng chi phí.

Các hạn chế này đòi hỏi NCTS phải có những biện pháp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như để tận dụng tối đa những lợi thế của Công ty.

4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ ảnh hưởng tới khả năng huy động vốn và hình ảnh của Công ty.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Ông Tạ Mạnh Hùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đào Mạnh Kiên	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Đặng Huy Khôi	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông Ngô Quang Huy	Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính kế toán – Phụ trách kế toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư – Khu vực phía Bắc

Giấy UQ: Số 01/2013/UQ-SSI ngày 21/03/2013 kí bởi ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết số 15/2014/SSI/HN-NHĐT ngày 07/07/2014 với Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty:	Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài
CTCP:	Công ty cổ phần
SSI:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT:	Hội đồng Quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
CL-AT-AN:	Chất lượng an toàn an ninh
TC-KT:	Tài chính kế toán
Vật tư – TTB:	Vật tư – trang thiết bị
PTNNL:	Phát triển nguồn nhân lực
Điều lệ:	Điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
SGDCK:	Sở giao dịch chứng khoán
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CMND:	Chứng minh nhân dân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
QLCL:	Quản lý chất lượng
KCS:	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
KH & ĐT:	Kế hoạch và Đầu tư
TP:	Thành phố
TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
VAT/GTGT:	Thuế Giá trị gia tăng
CP:	Cổ phần
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
GDP:	Tổng sản phẩm quốc nội
IATA:	Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế
ICAO:	Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế
CAAV:	Cục Hàng không Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****❖ Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên gọi Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI
Tên giao dịch đối ngoại : NOIBAI CARGO TERMINAL SERVICES JSC
Tên viết tắt : NCTS



Logo : **NCTS NOI BAI CARGO**
TERMINAL SERVICES JSC
Địa chỉ doanh nghiệp : Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn,
thành phố Hà Nội
Số điện thoại : (04) 3584 0905
Fax : (04) 3584 0906
Website : www.noibaicargo.com.vn
Vốn điều lệ : 249.209.340.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/04/2005 và số 0101640729 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/10/2014, bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: - Các dịch vụ hỗ trợ cho vận chuyển; - Dịch vụ vận chuyển mặt đất.	5223 (Chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Cho thuê kho, bãi đỗ xe; - Kinh doanh kho bãi;	6810

	- Cho thuê kios, văn phòng phục vụ mục đích kinh doanh.	
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ kiểm tra hàng, cân hàng;- Dịch vụ giao nhận hàng hóa đường không, đường biển, đường bộ;- Đại lý làm thủ tục hải quan.	5229
4	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Bốc xếp hành lý, hàng hóa đường bộ, đường không.	5224

❖ Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS), đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng không Việt Nam, được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/04/2005. Trụ sở chính của Công ty đặt tại sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Sự ra đời của NCTS thể hiện xu thế phát triển tất yếu của ngành dịch vụ phục vụ hàng hóa nhằm thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và góp phần quan trọng vào việc phát triển mạng bay đi/đến Hà Nội nói riêng và ngành hàng không Việt Nam nói chung.

Trong những năm qua, Công ty luôn giữ vững và đảm bảo tốc độ tăng trưởng vượt bậc, thực hiện tốt các chính sách chế độ đối với người lao động, hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước. Đội ngũ CBCNV trong Công ty không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, khẳng định uy tín và hình ảnh của NCTS trên thị trường. Hiện nay, NCTS là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho các hãng hàng không đang khai thác tại sân bay quốc tế Nội Bài.

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài*Đơn vị: triệu đồng*

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức
Khi thành lập Tháng 05/2005	35.000	35.000	-	
Lần 1: Tháng 05/2007	35.500	35.500	500	Phát hành 50.000 cổ phần cho cán bộ quản lý và điều hành trực tiếp tại công ty.
Lần 2: Tháng 09/2007	63.900	63.900	28.400	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:8.
Lần 3: Tháng 10/2008	95.850	95.850	31.950	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (theo tỷ lệ 100:35) và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (theo tỷ lệ 100:15).
Lần 4: Tháng 09/2014	249.209,34	249.209,34	153.359,34	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (theo tỷ lệ 1:0,7) và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (theo tỷ lệ 1:0,9).

Ngày 28/06/2007 Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

**▪ Lần 1: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 35,5 tỷ đồng**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2007; Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103007531 thay đổi lần thứ 2 ngày 27/06/2007.

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành:	50.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	500.000.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cán bộ quản lý và điều hành trực tiếp tại Công ty từ cấp phòng trở lên, chưa từng được mua và sở hữu cổ phần tại Công ty.
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hà Nội

▪ Lần 2: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 35,5 tỷ đồng lên 63,9 tỷ đồng

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103007531 thay đổi lần thứ 3 ngày 14/09/2007.

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng phát hành:	2.840.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	28.400.000.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu
Nguồn vốn để phát hành:	Nguồn vốn chủ sở hữu
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

▪ Lần 3: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 63,9 tỷ đồng lên 95,85 tỷ đồng:

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2008, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103007531 thay đổi lần thứ 4 ngày 21/10/2008

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng phát hành:	3.195.000 cổ phần, trong đó: - Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu:



	2.236.500 cổ phần (tỷ lệ phát hành 100:35)
	- Phát hành cổ phiếu: 958.500 cổ phần (tỷ lệ phát hành 100:15)
Tổng giá trị phát hành:	31.950.000.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu
Nguồn vốn để phát hành:	Lợi nhuận sau thuế và nguồn vốn chủ sở hữu khác.
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

▪ **Lần 4: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 95,850 triệu đồng lên 249,21 tỷ đồng:**

Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0114/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2014, công văn số 4520/UBCK-QLPH ngày 07/08/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Báo cáo kết quả phát hành số 760/BC-NCTS ngày 12/09/2014, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101640729 thay đổi lần thứ 7 ngày 30/10/2014

Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng phát hành:	15.335.934 cổ phần
Tổng giá trị phát hành:	153.359.340.000 đồng
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu
Hình thức phát hành:	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
Nguồn vốn để phát hành:	Lợi nhuận năm 2013 còn lại chưa phân phối và Quỹ đầu tư phát triển
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

❖ **Các thành tích đạt được**

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn nỗ lực phấn đấu, không ngừng nâng cao cải thiện chất lượng dịch vụ vì vậy mà hiệu quả kinh tế đạt mức cao, giữ vững được tốc độ phát triển



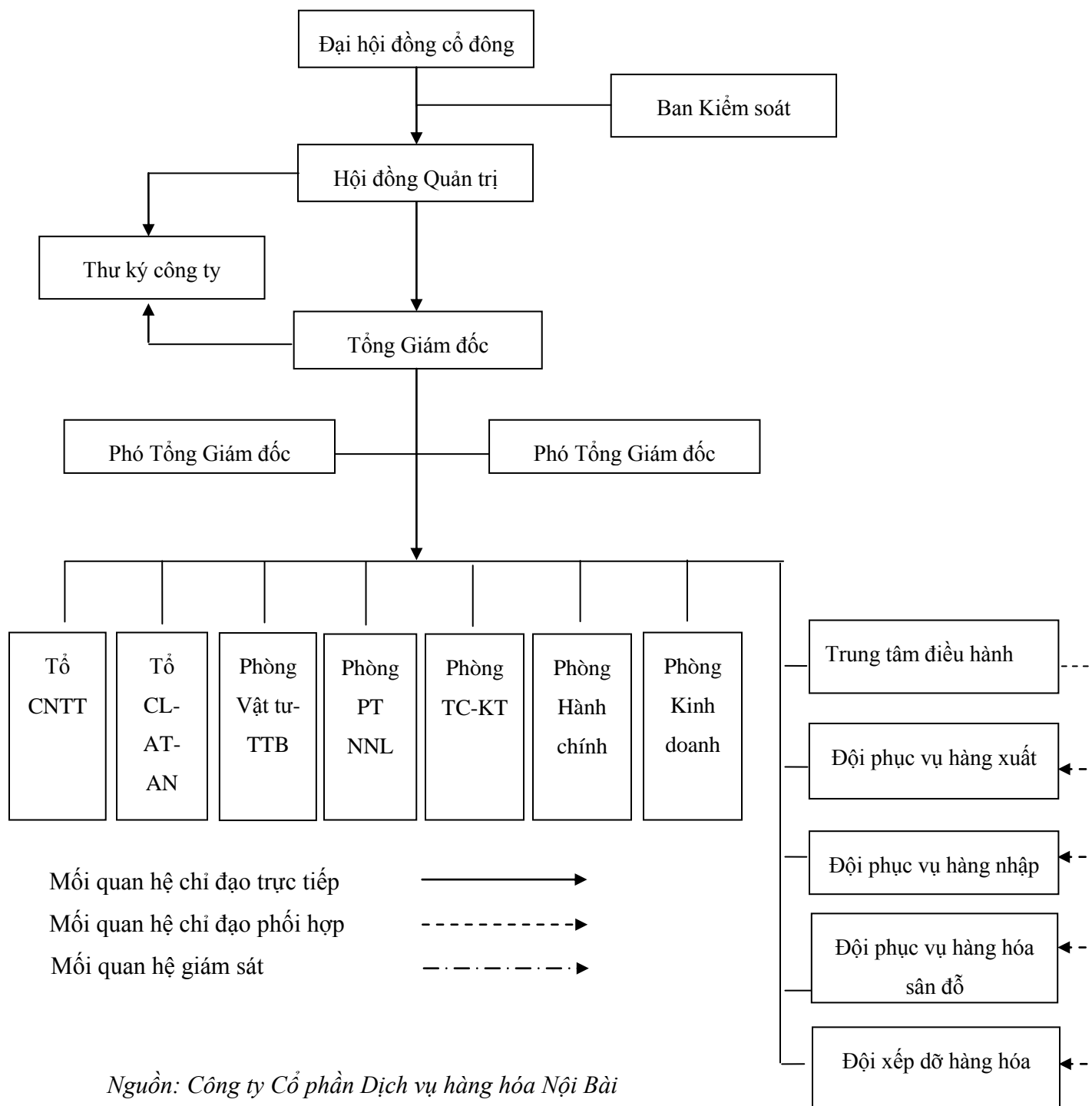
vượt bậc, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Với nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của ngành Hàng không Dân dụng Việt Nam và của đất nước, Công ty đã được ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như sau:

Bảng 2: Các danh hiệu và giải thưởng Công ty đã đạt được

Năm	Thành tích
2005, 2006 và 2007	- Bằng khen của Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2008	- Bằng khen của Bộ Giao thông Vận tải - Cờ thi đua xuất sắc của Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2009	- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Giao thông Vận tải - Bằng khen của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương - Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam - Bằng khen của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
2010	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2007 – 2009) - Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
2011, 2012	- Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
2013	- Huân chương lao động hạng Ba của Nhà nước (giai đoạn 2008 – 2012) - Cờ của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng “Đơn vị vững mạnh, xuất sắc trong phong trào thi đua 2013”.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài



Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo các quy định tại Điều lệ Công ty. Nhân sự HĐQT của Công ty như sau:

Ông Tạ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Hải Phong	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Khắc Thanh	Thành viên HĐQT

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông theo các quy định tại Điều lệ của Công ty. BKS gồm có 03 người do ĐHCĐ bầu ra. Nhân sự Ban kiểm soát của Công ty như sau:

Ông Đặng Huy Khôi	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Bà Đinh Thu Hà	Thành viên

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, giúp việc cho Tổng Giám đốc

Nhân sự Ban Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Ông Đào Mạnh Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng được Tổng Giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm. Là người giúp Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Ông Ngô Quang Huy hiện là Trưởng phòng Tài chính kế toán – Phụ trách kế toán của Công ty.

❖ **Các phòng ban (Bộ máy giúp việc)**

Hiện nay, Công ty có 12 đơn vị chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành công việc, gồm:

Phòng Phát triển nguồn nhân lực

Phòng Phát triển nguồn nhân lực là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức cán bộ; lao động – tiền lương; đào tạo; vệ sinh an toàn lao động.

Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác kế hoạch - đầu tư; công tác thị trường - phát triển sản phẩm; công tác bảo hiểm hàng không;

Phòng tài chính kế toán



Phòng Tài chính kế toán là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê và thông tin kinh tế.

Phòng Vật tư – Trang thiết bị

Phòng Vật tư – Trang thiết bị là đơn vị tác nghiệp của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; quản lý bảo dưỡng trang thiết bị - phương tiện vận tải; quản lý tài sản – công cụ dụng cụ lao động; mua sắm và cung ứng các nguồn lực, vật lực; quản lý kho vật tư của công ty.

Phòng Hành chính

Phòng Hành chính là đơn vị tác nghiệp của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác hành chính; đối nội đối ngoại; tổ chức các sự kiện; quản lý bảo dưỡng nhà cửa vật kiến trúc - kho tàng; công tác đảng - công đoàn - đoàn thanh niên; văn thư, bảo vệ.

Tổ chất lượng – an toàn an ninh

Tổ chất lượng – an toàn an ninh là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác duy trì, cải tiến và tối ưu hóa hệ thống quản lý chất lượng; công tác an toàn và an ninh hàng hóa của công ty.

Tổ Công nghệ thông tin

Tổ Công nghệ thông tin là đơn vị chuyên môn nghiệp vụ của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác trong Công ty. Là đơn vị tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản trị và duy trì hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

**Trung tâm điều hành**

Trung tâm Điều hành là đơn vị chức năng của Công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và hoạt động độc lập với các phòng ban khác của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thừa ủy quyền Tổng giám đốc trực tiếp điều hành, kiểm tra, giám sát và duy trì quá trình sản xuất của Công ty.

Đội phục vụ hàng xuất

Đội Phục vụ hàng xuất là đơn vị trực tiếp sản xuất, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và hoạt động độc lập với các đơn vị khác trong Công ty. Là đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất, thực hiện việc cung cấp toàn bộ các dịch vụ liên quan đến việc phục vụ hàng xuất từ khi tiếp nhận của khách, hướng dẫn, giám sát việc chất xếp hàng hoá lên ULD, các trang thiết bị chất xếp theo kế hoạch chất xếp của các hãng Hàng không và bàn giao cho đội phục vụ hàng hóa sân đỗ theo đúng qui trình, hướng dẫn, biểu mẫu.

Đội phục vụ hàng nhập

Đội Phục vụ hàng nhập là đơn vị trực tiếp sản xuất, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và hoạt động độc lập với các đơn vị khác trong Công ty. Là đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất, thực hiện các công việc tiếp nhận hàng hóa từ các chuyến bay đến Nội Bài, khai thác, bảo quản và làm thủ tục trả hàng cho khách.

Đội phục vụ hàng hóa sân đỗ

Đội Phục vụ hàng hóa ngoài sân đỗ là đơn vị trực tiếp sản xuất, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và hoạt động độc lập với các đơn vị khác trong Công ty. Là đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất, thực hiện các công việc liên quan đến việc tiếp nhận, bàn giao hàng hóa, tài liệu chuyến bay với các đơn vị liên quan. Vận chuyển hàng và giám sát việc xếp dỡ đảm bảo an toàn hàng hoá trong khu vực sân đỗ.

Đội xếp dỡ hàng hóa

Đội Xếp dỡ hàng hoá là đơn vị trực tiếp sản xuất, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc và hoạt động độc lập với các đơn vị khác trong Công ty. Là đơn vị trực tiếp tổ chức



sản xuất, thực hiện các tác nghiệp liên quan đến công tác phục vụ hàng hóa, các hoạt động xếp, dỡ hàng hóa đi và đến.

3. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/10/2014

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐK KD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị sở hữu (đồng)	Tỷ lệ % sở hữu
Số 200						
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	0100107518	13.738.478	137.384.780.000	55.13%
Sân bay quốc						
2	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	té Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	0100108254	1.740.619	17.406.190.000	6.98%

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/10/2014

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước		23.920.934	249.209.340.000	100%	1230
1	Tổ chức	18.785.202	187.852.020.000	75,3792 %	8
2	Cá nhân	6.134.925	61.349.250.000	24,6175 %	1221
3	Cổ phiếu quỹ	807	8.070.000	0,0032%	1
Cổ đông nước ngoài		-	-	-	0
3	Tổ chức	-	-	-	0
4	Cá nhân	-	-	-	0
Tổng cộng		24.920.934	249.209.340.000	100 %	1230

❖ Danh sách cổ đông sáng lập



STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐK KD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị sở hữu (đồng)	Tỷ lệ % sở hữu
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Số 200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	0100107518	13.738.478	137.384.780.000	55,13%
2	Công đoàn cơ sở khối cơ quan Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Số 200 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	334/QĐCĐ	2.805	28.050.000	0,01%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	Sân bay quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	0100108254	1.740.619	17.406.190.000	6,98%
4	Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu	Số 74, phố Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100105937	1.040.000	10.400.000.000	4,17%

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.



4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

❖ Công ty mẹ hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Tên tổ chức: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Tên viết tắt: Vietnam Airlines

Địa chỉ: Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư; hoạt động hàng không chung, bay phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng;
- Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác; sản xuất linh kiện, vật tư, phụ tùng tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; cung ứng dịch vụ kỹ thuật cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài; xuất nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, trang thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) theo quy định của Nhà nước.

Ngành nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính:

- Vận tải đa phương thức; cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ giao nhận hàng hóa; sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay.
- Đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay: Nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không.
- Xuất, nhập khẩu, cung ứng xăng, dầu, mỡ hàng không, chất lỏng chuyên dùng và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay và các địa điểm khác.

- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải du lịch trong nước và nước ngoài; cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không, các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác.
- Các ngành, nghề kinh doanh khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Tỷ lệ nắm giữ: 55,13% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

❖ **Công ty con hoặc những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

❖ **Công ty liên doanh, liên kết**

Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Các dịch vụ chính và giá trị dịch vụ qua các năm

❖ **Giới thiệu các dịch vụ chính**

Các loại hình dịch vụ chính của Công ty đang thực hiện như sau:

Phục vụ hàng hóa

- Các dịch vụ phục vụ hàng hóa của NCTS hiện nay bao gồm các dịch vụ phục vụ hàng đi/hàng đến/hàng chuyển tiếp tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đảm bảo tuân thủ các quy định vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không của IATA/ICAO/CAAV... và các hãng hàng không. Với tư cách là công ty phục vụ mặt đất của hãng hàng không, NCTS đảm bảo chấp nhận và chất xếp hàng đi để sẵn sàng vận chuyển cũng như xử lý, trả hàng đến đúng người nhận hàng.
- Phục vụ hàng hóa đi/đến/chuyển tiếp nội địa: Hiện nay tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài có 03 hãng hàng không đang khai thác đường bay nội địa, đó là Vietnam Airlines (VN), Jetstar Pacific Airlines (BL) và VietJet Air (VJ). Trong đó, NCTS đang cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa cho VN và BL với sản lượng hàng hóa phục vụ vận chuyển khoảng 80-90.000 tấn/năm.



- Phục vụ hàng hóa đi/đến/chuyển tiếp quốc tế: Hiện nay NCTS đang cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa cho 30 hãng hàng không quốc tế, chiếm trên 85% thị phần.

Lưu kho

- Cung cấp dịch vụ lưu kho hàng hóa phù hợp với đặc điểm, tính chất của lô hàng đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn an ninh, an toàn của hãng vận chuyển cũng như của khách nhận/gửi hàng.

Xử lý hàng hóa

- Xử lý hàng hóa là các dịch vụ bao gồm: Cung cấp mặt bằng, trang thiết bị, nhân công xếp dỡ hàng hóa cho khách nhận/gửi hàng đảm bảo hàng đi/đến Nội Bài đáp ứng các yêu cầu của hãng vận chuyển và nhà chức trách có liên quan.

Dịch vụ khác

- Bên cạnh dịch vụ phục vụ hàng hóa, NCTS còn cung cấp các dịch vụ khác hỗ trợ cho khách hàng như dịch vụ làm hải quan cho hàng lặc tuyến; áp tải hàng giá trị cao; vận chuyển hàng từ sân bay về kho thành phố; cung cấp các vật tư giá gỗ, ván kê hàng, nylon, tấm lót... nhằm đáp ứng và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng trong hoạt động vận chuyển hàng đi/đến Nội Bài.

Tất cả các loại hình dịch vụ trên được xây dựng dựa trên nguyên tắc:

- Tuân thủ các quy định hiện hành về vận tải hàng không, đường bộ và các quy định khác của pháp luật;
- Theo quy định về phục vụ hàng hóa của IATA và các hướng dẫn của hãng vận chuyển;
- Theo thỏa thuận hợp đồng ký kết giữa hãng hàng không với NCTS hoặc các yêu cầu của khách và điều kiện thực tế phát sinh dịch vụ.
- Theo quy định phục vụ của Công ty; chi tiết đối với một số loại hình dịch vụ được thể hiện tại bảng giá phục vụ của Công ty được công bố rộng rãi đến khách hàng qua các kênh thông tin trực tiếp, gián tiếp và qua trang website của Công ty theo địa chỉ:

www.noibaicargo.com.vn



❖ Mạng lưới khách hàng, đối tác

NCTS tự hào là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Công ty có quan hệ đối tác với trên 200 đơn vị giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước, đặc biệt sở hữu mạng lưới khách hàng với 30 hãng hàng không quốc tế hàng đầu thế giới, như: Cathay Pacific, Korean Air, Singapore Airlines, Qatar Airways, Emirates Airways, Aeroflot Russian Airlines, Asiana Airlines, China Airlines, Eva Air, Thai Airways, Shanghai Airlines, China Southern Airlines, Air Asia, ... Với lợi thế mạng lưới khách hàng là đa số các hãng hàng không hàng đầu thế giới đang khai thác tại sân bay quốc tế Nội Bài, công ty chiếm phần lớn thị phần hàng hóa thực hiện dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Bên cạnh đó, NCTS không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác trong bối cảnh ngày càng nhiều hãng hàng không quốc tế thâm nhập và mở rộng đường bay tại thị trường Việt Nam.

❖ Giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 3: Sản lượng hàng hóa Công ty phục vụ giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014

Đơn vị: Tấn

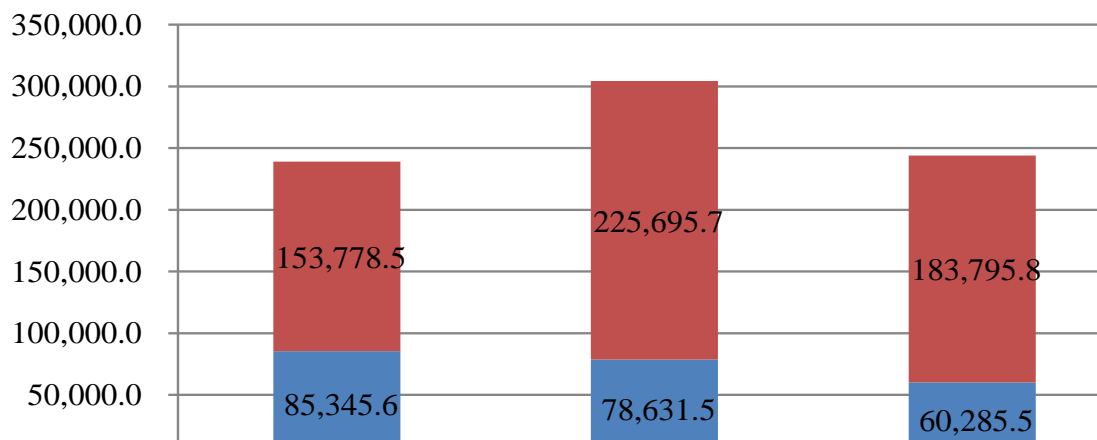
Sản lượng	Năm 2012	Tỷ trọng	Năm 2013	Tỷ trọng	9 tháng năm 2014	Tỷ trọng
Hàng nội địa	85.345,6	35,7%	78.631,5	25,8%	60.285,5	24,7%
Hàng xuất nội địa	25.980,1	10,9%	26.243,4	8,6%	20.535,6	8,4%
Hàng nhập nội địa	59.365,5	24,8%	52.388,1	17,2%	39.749,9	16,3%
Hàng quốc tế	153.778,5	64,3%	225.695,7	74,2%	183.795,8	75,3%
Hàng xuất quốc tế	70.725,1	29,6%	103.367,1	34,0%	88.202,7	36,1%
Hàng nhập quốc tế	83.053,4	34,7%	122.328,6	40,2%	95.593,1	39,2%
Tổng cộng	239.124,1	100,0%	304.327,2	100,0%	244.081,3	100,0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài



Hình 2: Sản lượng hàng hóa Công ty phục vụ giai đoạn 2012 – 9 tháng đầu năm 2014

Đơn vị: Tấn



Sản lượng hàng hóa Công ty thực hiện phục vụ tăng mạnh từ 239.124,1 tấn năm 2012 lên 304.327,3 tấn trong năm 2013, tương đương mức tăng 27%. Cơ cấu sản lượng hàng hóa phục vụ có sự dịch chuyển từ hàng nội địa sang hàng quốc tế. Trong khi sản lượng hàng nội địa giảm nhẹ từ 85.345,6 tấn năm 2012 xuống 78.631,5 tấn năm 2013 thì sản lượng hàng quốc tế lại tăng mạnh từ 153.778,5 tấn lên 225.695,7 tấn, tương đương 46,8%. Nguyên nhân là do khối doanh nghiệp nước ngoài tăng cường đầu tư trực tiếp vào Việt Nam như Samsung, Nokia cùng các công ty sản xuất phụ trợ khác khiến sản lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không khu vực phía Bắc nói chung và qua sân bay quốc tế Nội Bài tăng mạnh. Tỷ trọng hàng hóa quốc tế trong tổng sản lượng hàng hóa mà NCTS thực hiện dịch vụ cũng tăng từ 64,3% lên 74,2%. Kết thúc quý 3/2014, sản lượng hàng hóa Công ty đã phục vụ đạt 244.081,4 tấn, trong đó, 75,3% là hàng quốc tế.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo loại hình dịch vụ giai đoạn 2012 - 9 tháng 2014

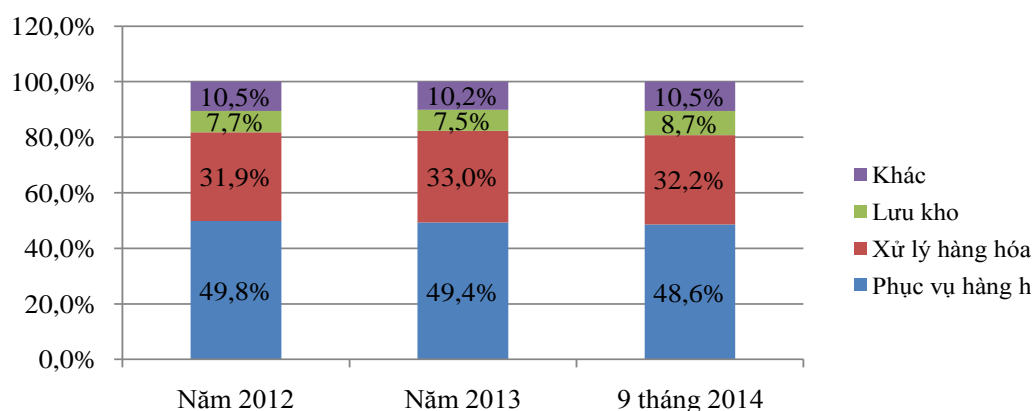
Đơn vị: triệu đồng

STT	Loại hình dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng năm 2014	
		Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng
1	Phục vụ hàng hóa	212.185	49,8%	283.588	49,4%	237.488	48,6%
2	Xử lý hàng hóa	136.053	31,9%	189.497	33,0%	157.207	32,2%
3	Lưu kho	32.873	7,7%	43.074	7,5%	42.288	8,7%
4	Khác	44.938	10,6%	58.361	10,1%	51.772	10,5%
Tổng cộng		426.049	100,0%	574.520	100,0%	488.755	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014

Hình 3: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014

Đơn vị: triệu đồng





Trọng cơ cấu doanh thu của NCTS, doanh thu từ dịch vụ phục vụ hàng hóa và xử lý hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2013, doanh thu từ dịch vụ phục vụ hàng hóa đạt 283.588 triệu đồng, chiếm 49,4% doanh thu toàn Công ty; doanh thu từ xử lý hàng hóa đạt 189.497 triệu đồng, chiếm 33,0% doanh thu toàn Công ty. Tương ứng với sản lượng hàng hóa phục vụ tăng mạnh, doanh thu thuần của Công ty cũng tăng cao trong năm 2013, đạt 574.520 triệu đồng, tăng 34,8% so với năm 2012. Sau 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần toàn công ty đạt 488.755 triệu đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu dịch vụ lưu kho chiếm tỷ trọng từ 7,5% - 9% trong tổng doanh thu thuần. Doanh thu khác đến từ việc cung cấp các dịch vụ như: vận chuyển mặt đất, dịch vụ phát hành lẻ, cung cấp tấm nhựa, ván kê, giá gỗ... Doanh thu khác cũng tăng gần 30% trong năm 2013 và đạt 51.772 triệu đồng sau 9 tháng đầu năm 2014.

Bảng 5: Cơ cấu giá vốn hàng bán giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014

Đơn vị: triệu đồng

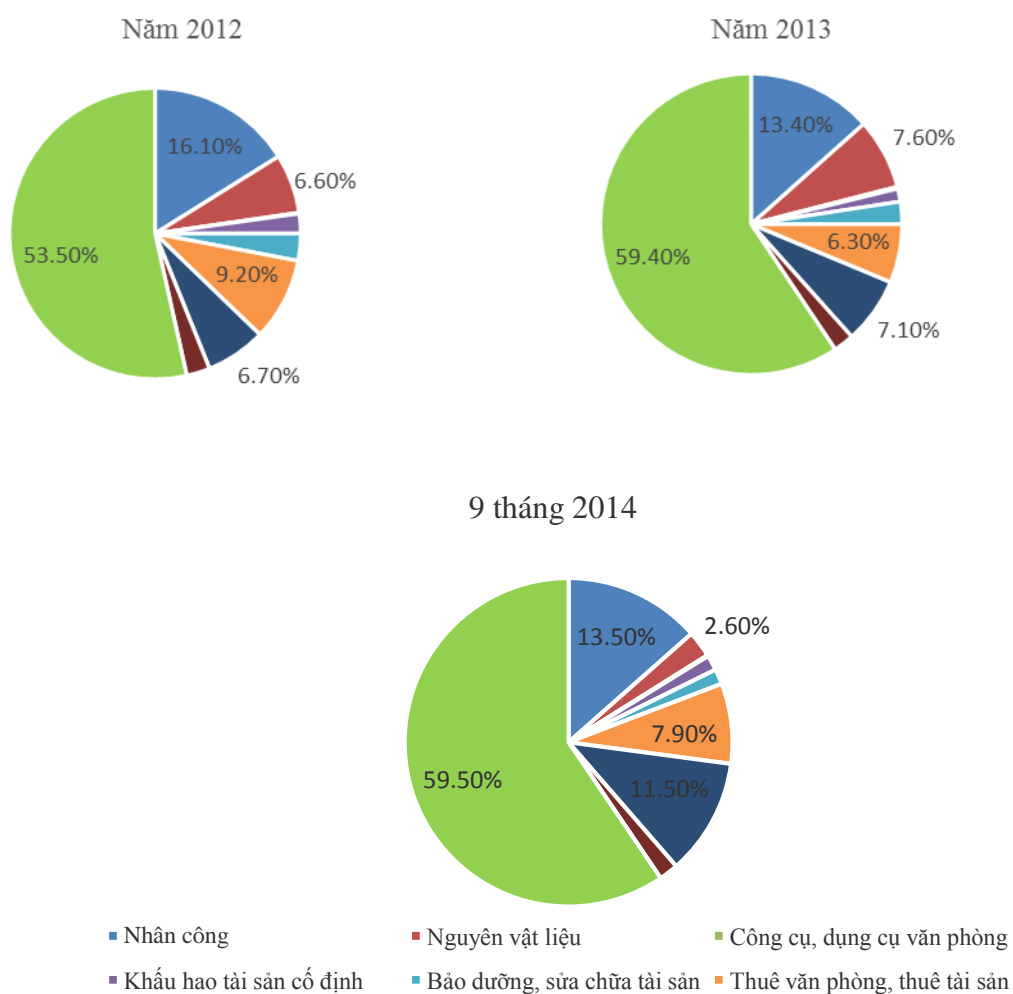
STT	Loại hình chi phí trong giá vốn dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Chi phí nhân công	68.418	16,1%	76.889	13,4%	65.926	13,5%
2	Chi phí nguyên vật liệu	28.001	6,6%	43.849	7,6%	12.741	2,6%
3	Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	632	0,1%	917	0,2%	603	0,1%
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.211	2,2%	7.918	1,4%	7.343	1,5%
5	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	12.825	3,0%	13.600	2,4%	7.354	1,5%
6	Chi phí thuê vp, tài sản	39.249	9,2%	35.981	6,3%	38.600	7,9%



7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.743	6,7%	40.851	7,1%	56.223	11,5%
8	Chi phí khác bằng tiền	10.911	2,6%	13.373	2,2%	9.275	1,9%
Tổng cộng		197.990	46,5%	233.378	40,6%	198.064	40,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014

Hình 4: Tỷ trọng các chi phí giá vốn trong doanh thu thuần giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014





Trong cơ cấu giá vốn của Công ty, với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là các chi phí nguyên vật liệu, chi phí thuê mặt bằng và chi phí dịch vụ mua ngoài.

Năm 2012, chi phí nhân công đạt 68.418 triệu đồng, chiếm 16,1% trên doanh thu thuần. Sang năm 2013, chi phí nhân công tăng nhẹ lên 76.889 triệu đồng với tỷ trọng trên doanh thu thuần giảm xuống còn 13,4%. Chi phí nguyên vật liệu tăng từ 28.001 triệu đồng năm 2012 lên 43.849 triệu đồng năm 2013, tương đương mức tăng 56,6%. Chi phí dịch vụ mua ngoài là chi phí trả cho các nhà thầu phụ trong quá trình cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa cho khách hàng. Chi phí này cũng tăng mạnh 42,1% trong giai đoạn 2012 – 2013 tương ứng với mức tăng trưởng của doanh thu và sản lượng hàng hóa phục vụ.

Nhìn chung cơ cấu giá vốn của Công ty tương đối ổn định và biến động phù hợp với tốc độ tăng doanh thu. Bên cạnh đó, với sự tăng trưởng mạnh mẽ của sản lượng hàng hóa phục vụ năm vừa qua, các nguồn lực của Công ty được tận dụng một cách tối đa, tiết kiệm chi phí, dẫn đến biên lợi nhuận gộp được cải thiện. Cụ thể, biên lợi nhuận gộp tăng từ 53,5% năm 2012 lên 59,4% năm 2013. Kết thúc quý 3/2014, lợi nhuận gộp đạt 290.691 triệu đồng, chiếm 59,5% doanh thu thuần.

5.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ chủ yếu là xăng dầu, tấm nhựa, pallet gỗ, ván kê, băng keo,... những nguyên vật liệu này được mua từ các nhà cung cấp trong nước, cụ thể như sau:

**Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty**

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Xăng dầu	Xí nghiệp thương mại dầu khí HKMB	Việt Nam
2	Tấm nhựa	Công ty TNHH Thanh Long	Việt Nam
3	Pallet gỗ, ván kê	Cơ sở chế biến lâm sản Hoàng Thị Mỹ	Việt Nam
4	Băng keo	Công ty TNHH thương mại Ngọc Hoa	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

❖ Sự ổn định và ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty luôn sẵn có và tương đối dồi dào. Trong số nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng, xăng dầu là mặt hàng có biến động giá thường xuyên do phụ thuộc rất nhiều vào giá xăng dầu trên thị trường thế giới và sự điều chỉnh giá của các doanh nghiệp cung ứng xăng dầu trong nước. Các nguyên vật liệu khác như tấm nhựa, pallet gỗ, ván kê và băng keo có mức độ biến động giá không cao, nguồn cung cấp dồi dào và các nhà cung cấp luôn đảm bảo được những yêu cầu đặt ra về số lượng và chất lượng. Với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa, chi phí chủ yếu là nhân công, do đó sự biến động giá nguyên vật liệu ít ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

5.3. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý và năm, được kiểm soát chặt chẽ, các hợp đồng mua bán đều được đàm phán theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo các yêu cầu về cạnh tranh, tiết kiệm và chất lượng dịch vụ.

**Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014**

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	2012		2013		9 tháng năm 2014	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Chi phí giá vốn dịch vụ	197.990	46,47%	233.378	40,62%	198.064	40,52%
Chi phí tài chính	131	0,03%	21	0,00%	5	0,00%
Chi phí bán hàng	3.837	0,90%	4.445	0,77%	2.586	0,53%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.185	12,72%	50.936	8,87%	36.147	7,40%
- Chi phí nhân viên quản lý	20.251	4,75%	19.336	3,37%	15.575	3,19%
- Chi phí vật liệu quản lý	3.913	0,92%	4.701	0,82%	3.586	0,73%
- Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	934	0,22%	734	0,13%	682	0,14%
- Chi phí khấu hao	2.568	0,60%	3.355	0,58%	3.266	0,67%
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	12.848	3,02%	5.396	0,94%	1.313	0,27%
- Chi phí thuê văn phòng, thuê tài sản	3.839	0,90%	7.124	1,24%	4.563	0,93%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.618	0,61%	2.547	0,44%	1.654	0,34%
- Chi phí khác bằng tiền	7.214	1,69%	7.743	1,35%	5.508	1,13%
Tổng cộng	256.143	60,12%	288.780	50,26%	236.802	48,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, sau chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trên tổng doanh thu thuần. Năm 2012, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 54.185 triệu đồng, chiếm 12,72% doanh thu thuần. Sang năm 2013, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ xuống còn 50.936 triệu đồng, chiếm 8,87% doanh thu thuần. Nguyên nhân chủ yếu do việc giảm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản từ 12.848 triệu đồng năm 2012 xuống 5.396 triệu đồng năm 2013.

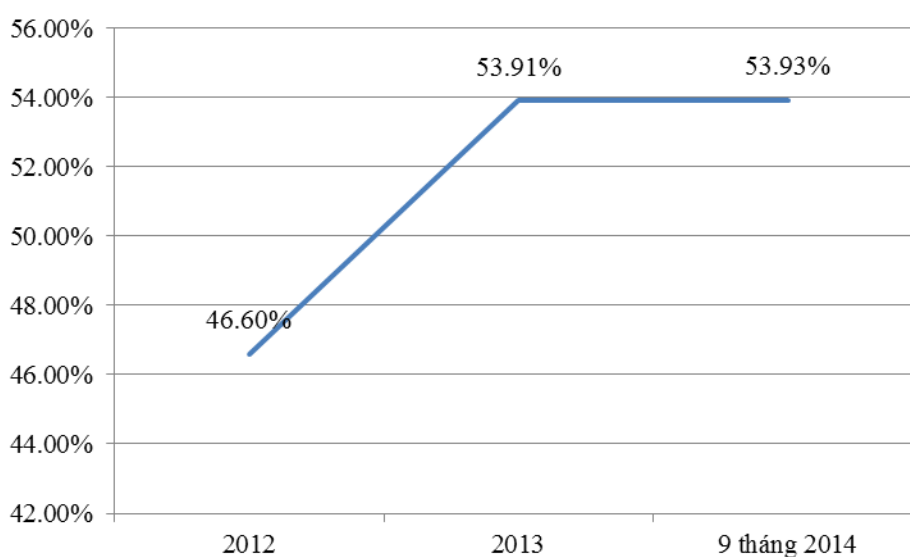
Trong cơ cấu chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tiền lương cho nhân viên bộ phận quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là 4,75% và 3,37% trên tổng doanh thu thuần trong hai năm 2012 và 2013.



Các chi phí như chi phí tài chính hay chi phí bán hàng đều không đáng kể do Công ty không có nợ vay ngân hàng cũng như hoạt động kinh doanh không yêu cầu phát sinh nhiều các chi phí marketing, quảng cáo, tiếp thị ...

Với các biện pháp tiết giảm chi phí, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh cộng với việc doanh thu tăng mạnh chủ yếu do sự dịch chuyển cơ cấu loại hàng hóa phục vụ, tỷ trọng chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giảm dần, từ 60,12% năm 2012 xuống 50,26% năm 2013 và đến quý III/2014, tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là 236.802 triệu đồng, chiếm 48,5% doanh thu thuần.

Hình 5: Biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014



Với việc doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ trong khi các loại chi phí chỉ tăng nhẹ, thậm chí Công ty còn có khả năng cắt giảm và tiết kiệm một số khoản mục chi phí, khiến biên lợi nhuận của NCTS được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 46,60% năm 2012, tăng lên 53,91% năm 2013 và đến quý 3 năm 2014, biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 53,93%. Có thể thấy rằng, hoạt động cung cấp dịch vụ hàng hóa của Công ty đang rất hiệu quả và liên tục được cải thiện, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng.



5.4. Trình độ công nghệ

NCTS luôn là công ty đi đầu trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như công nghệ hiện đại trong quá trình hoạt động kinh doanh để tiết kiệm thời gian, chi phí và tối đa hóa hiệu quả hoạt động, gia tăng chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, bao gồm: hệ thống máy chủ, phần mềm, đường truyền, các thiết bị kết nối, hệ thống camera giám sát an ninh đảm bảo theo dõi và cung cấp, truyền gửi hình ảnh, thông tin tới khách hàng, các hãng hàng không, các sân bay theo yêu cầu.

Về hệ thống phần mềm, hiện tại Công ty đang xúc tiến việc hoàn thiện hệ thống phần mềm mới theo tiêu chuẩn phục vụ e-Airwaybill (e-AWB) và tiến tới tiêu chuẩn phục vụ e-Freight theo quy định của Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA). Theo đó, các tiêu chuẩn hướng đến việc tăng cường sử dụng dữ liệu và thông tin điện tử trong quá trình vận tải hàng hóa bằng đường hàng không thay cho việc sử dụng giấy tờ, tài liệu bản cứng liên quan. Các tiêu chuẩn này sẽ tăng sự chính xác, bảo mật và hiệu quả của thông tin, đồng thời, giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu thời gian xử lý hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Hệ thống phần mềm mới sẽ đảm bảo công suất phục vụ từ 400 – 800 nghìn tấn hàng hóa mỗi năm.

Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu phát triển phần mềm theo dõi hàng hóa trong kho trên nền tảng di động nhằm khai thác và kiểm soát hàng hóa trong kho tốt hơn, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng chất lượng dịch vụ khách hàng.

Song song với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn sở hữu hệ thống thiết bị, máy móc phục vụ hàng hóa được đầu tư đồng bộ, hiện đại.

**Bảng 8: Một số thiết bị, máy móc chính của Công ty**

STT	Thiết bị, máy móc	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng
1	Xe đầu kéo Diesel	Nhật Bản, Hoa Kỳ	1994 – 2014	38
2	Xe xúc nâng Diesel	Nhật Bản	1993 – 2014	32
3	Xe nâng điện (nâng cao)	Thụy Điển	2009 – 2014	7
4	Xe nâng điện (thường)	Nhật Bản	2014	13
5	Xe nâng tay điện	Thụy Điển	2010	2
6	Dolly 10ft	Việt Nam	2005 – 2014	270
7	Dolly 20ft	Việt Nam	2007 – 2009	11
8	Xe bán tải	Nhật Bản	2007 – 2009	2
9	Xe tải chở hàng	Nhật Bản	2001 – 2004	6
10	Xe tải chở ULD	Nhật Bản	2009 – 2013	5
11	Xe trung chuyên	Nhật Bản	2014	3
12	Xe ô tô 16 chỗ	Nhật Bản	2005	3
13	Xe ô tô 29 chỗ	Hàn Quốc	2005 – 2013	8
14	Xe quét vệ sinh	Hoa Kỳ	2009 – 2011	4
15	Trạm chất xếp Workstation	Đức	2010	2
16	Bàn nâng hạ Truckdock	Đức	2010 – 2014	8
17	Cân điện tử	Hoa Kỳ	2006 – 2014	19
18	Kho lạnh	Hoa Kỳ, Ý, Đức	2005 - 2014	4
19	Mooc chứa hàng hóa rời	Việt Nam	2005 - 2007	31

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Ngoài ra, Công ty còn sở hữu nhiều thiết bị, máy móc hiện đại khác, đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ với tiêu chuẩn quốc tế. Trong các năm tiếp theo, NCTS có kế hoạch mở rộng đầu tư thêm máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực, củng cố vị thế hàng đầu trong khu vực.

Hình 6: Hình ảnh một số máy móc, thiết bị tiêu biểu của Công ty



Trạm chất xếp Workstation



Hệ thống giá kệ hàng



Dolly 10-20 ft



Xe dầu kéo

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, cạnh tranh và phát triển bền vững, NCTS luôn đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo người lao động, các hoạt động tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng.

- Năm 2005 – 2007: kế thừa hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ công ty mẹ và từng bước tiếp cận các yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong toàn bộ Công ty.
- Tháng 06/2008: Công ty được tổ chức QMS Australia đánh giá và cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của Công ty hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Cuối năm 2008, Công ty được tổ chức QMS Australia đánh giá và chứng nhận hệ thống chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (phiên bản mới của ISO 9001:2000).
- Từ tháng 06/2008, hệ thống quản lý chất lượng của Công ty được vận hành theo đúng tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tổng quan về hệ thống được thể hiện trong Sổ tay chất lượng, trong đó công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, các cam kết của lãnh đạo về việc đảm bảo và duy trì hệ thống quản lý chất lượng cũng như các nội dung khác theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Tháng 06/2011: Tổ chức QMS Australia tiến hành đánh giá tái chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty và chứng nhận hệ thống phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Tháng 06/2014: Tổ chức QMS Australia một lần nữa khẳng định hệ thống quản lý chất lượng của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Đặc biệt tháng 08/2014, Công ty đã đạt chứng nhận về yêu cầu an ninh hàng hóa vào châu Âu - RA3. Theo đó, RA3 là các quy định về an ninh đối với các đơn vị xử lý hàng hóa vào châu Âu tại một quốc gia thứ 3. Muốn đạt được RA3, đơn vị phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh hàng không của Liên minh châu Âu theo quy định của EU 185/2010 như: kiểm soát an ninh, soi chiếu, giám sát... tất cả hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không vào khu vực kinh tế chung châu Âu (EU/EEA). Việc đạt chứng nhận RA3 khẳng

định những nỗ lực của Công ty trong việc tăng cường chất lượng dịch vụ, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ hàng hóa quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế hàng đầu của NCTS trong ngành, tạo ra lợi thế cạnh tranh và cơ hội phát triển trong tương lai.

- Dự kiến giai đoạn 2015-2016, Công ty sẽ đạt chứng nhận về tiêu chuẩn quốc tế chuyên biệt dành cho lĩnh vực phục vụ hàng hóa – ISAGO của IATA.

5.6. Hoạt động Marketing

Các phương thức tiếp cận thu hút khách hàng mới của NCTS như sau:

- PR thương hiệu, hình ảnh, thông tin của công ty trên các báo chuyên ngành và các tờ báo kinh tế của Việt Nam và nước ngoài;
- Tìm hiểu và tiếp cận khách hàng thông qua mối quan hệ đối tác với các hãng vận chuyển, các đại lý giao nhận và các cơ quan hữu quan;
- Tổ chức các sự kiện giao lưu tăng cường hợp tác với đối tác;
- Xây dựng các chiến lược phát triển các sản phẩm dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Trong những năm vừa qua, hoạt động marketing của NCTS đạt hiệu quả cao, không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, quan hệ đối tác với các hãng vận chuyển hàng đầu trên thế giới. Với danh mục khách hàng là phần lớn các hãng hàng không quốc tế đang khai thác tại sân bay quốc tế Nội Bài, Công ty luôn duy trì thị phần cao trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa qua cửa khẩu sân bay Nội Bài.

5.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

❖ Logo và nhãn hiệu của Công ty



❖ Ý nghĩa logo

Logo NCTS bao gồm phần hình và phần chữ. Phần hình là một khối rubic gồm 8 hình vuông nhỏ được xếp ngay ngắn, vuông thành sắc cạnh tạo thành một hình vuông lớn như một thể thống nhất. Thật dễ dàng để nhận thấy các cạnh hình vuông lớn đều hướng lên trên, thể hiện sự phát triển ngày càng lớn mạnh không ngừng của Công ty. Khối hình thống nhất này tượng trưng cho sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể cán bộ công nhân viên NCTS, cùng đồng tâm chung tay chung sức vì sự phát triển của công ty. Hai màu vàng và màu xanh của khối hình chính là màu xanh da trời và màu vàng hoa sen của Hàng không Việt Nam. Là đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng không Việt nam, Công ty NCTS mong muốn góp phần tô điểm cho biểu tượng mới Bông sen vàng VNA – tượng trưng cho chất lượng, sự hoàn hảo và sang trọng. Phần chữ NCTS – Noibai Cargo Terminal Services JSC có ý nghĩa như một chiếc giá vững chắc, điểm tựa quan trọng cho khối hình. Chiếc giá này cho phép khối rubic có thể chuyển động được. Điều này khẳng định sự phát triển không ngừng của công ty NCTS được xây dựng trên một nền tảng bền vững. Đồng thời thể hiện sự linh hoạt và nhanh nhạy, luôn đổi mới để bắt kịp xu thế của thị trường của Công ty NCTS. Dưới góc nhìn thực tế hơn, các hình vuông nhỏ tượng trưng cho các kiện hàng được chất xếp ngay ngắn trên một giá hàng tiêu chuẩn. Công ty NCTS luôn hướng tới sự chuyên nghiệp trong cung cấp các dịch vụ phục vụ hàng hóa và thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.

❖ Đăng ký nhãn hiệu thương mại

Công ty đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 83572 ngày 28 tháng 06 năm 2007.

❖ Sứ mệnh

Cung cấp các dịch vụ phục vụ hàng hóa và các dịch vụ giá trị gia tăng theo đúng chất lượng đã cam kết, phù hợp với các tiêu chuẩn của ngành và thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Công ty NCTS đảm bảo quyền lợi và gia tăng giá trị cho các cổ đông, người lao động đồng thời góp phần tích cực vào sự phát triển của ngành hàng không và đất nước.

❖ Tầm nhìn

Trở thành công ty phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu trong khu vực.



5.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Đối tác	Dịch vụ cung cấp	Trị giá (đồng)	Thời gian thực hiện
Các hợp đồng với hãng hàng không				
1	Korean Air	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 21/10/2012 - 31/10/2015
2	Qatar Airways	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/11/2010 cho đến khi có thông báo mới
3	Thai Airways	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2012 cho đến khi có thông báo mới
4	Singapore Airlines	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2014 - 01/01/2017
5	VietNam Airlines	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/11/2005 cho đến khi có thông báo mới
6	China Airlines	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/11/2005 cho đến khi có thông báo mới
7	Asiana Airlines	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/03/2012 - 28/02/2015
8	China Southern Airlines	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/06/2005 cho đến khi có thông báo mới
9	Eva Air	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/05/2005 cho đến khi có thông báo mới
10	Cathay Pacific	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/03/2008 cho đến khi có thông báo mới

**Các hợp đồng với đại lý (các đại lý giao nhận hàng hóa)**

11	Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Vietnam.	Các dịch vụ xử lý hàng hóa và lưu kho	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2014 cho đến khi có thông báo mới
12	Công ty TNHH Tiếp Vận Thăng Long (Draco)	Các dịch vụ xử lý hàng hóa và lưu kho	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2014 cho đến khi có thông báo mới
	Chi nhánh Giao dịch Công ty LD TNHH Nippon Express VN (NEVN).	Các dịch vụ xử lý hàng hóa và lưu kho	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2012 cho đến khi có thông báo mới
14	Chi nhánh công ty TNHH Schenker VN tại HN	Các dịch vụ xử lý hàng hóa và lưu kho	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2014 cho đến khi có thông báo mới
15	Công ty TNHH chuyên phát nhanh DHL- VNPT	Dịch vụ phục vụ hàng hóa	Theo sản lượng tháng	Từ 01/01/2007 cho đến khi có thông báo mới

Các hợp đồng với nhà cung ứng đầu vào

16	Xí nghiệp thương mại dầu khí HKMB	Xăng dầu	Theo thị trường	01/01/2014-31/12/2014
17	Công ty TNHH Thanh Long	Tấm nhựa	Theo thị trường	02/08/2014-02/08/2015
18	Cơ sở chế biến lâm sản Hoàng Thị Mây	Pallet gỗ, ván kê	Theo thị trường	15/06/2014-15/06/2015
19	Công ty TNHH thương mại Ngọc Hoa	Băng keo	Theo thị trường	16/10/2014-16/10/2015

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hoá Nội Bài

**Bảng 10: Giá trị sản lượng theo một số khách hàng chính:**

STT	Hãng hàng không	Sản lượng bình quân (tấn)		
		2012	2013	9T/2014
1	Korean Air	2.345.716	3.509.606	4.230.685
2	Qatar Airways	1.267.812	2.005.460	1.901.506
3	Thai Airways	1.199.797	1.547.947	1.310.023
4	Singapore Airlines	755.398	847.244	807.341
5	Vietnam Airlines	9.578.776	9.851.717	10.058.304
6	China Airlines	609.089	802.931	1.316.517
7	Asiana Airlines	1.076.657	1.815.860	1.974.264
8	China Southern Airlines	133.313	131.812	88.926
9	Eva Air	260.038	611.733	685.975
10	Cathay Pacific	884.706	1.549.468	2.202.702



6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012, 2013 và 9 tháng đầu năm 2014

Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 9/2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm	9 tháng năm 2014
Tổng giá trị tài sản	321.291	345.275	+7,47%	461.282
Vốn chủ sở hữu	266.367	286.934	+7,72%	394.693
Doanh thu thuần	426.049	574.520	+34,85%	488.755
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	198.336	309.745	+56,17%	263.593
Lợi nhuận khác	832	34	-95,91%	586
Lợi nhuận trước thuế	199.167	309.778	+55,54%	264.179
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	175.762	247.504	+40,82%	211.552
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,25%	79,77%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	71,34%	89,46%	-	62,07%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014

Năm 2013, tổng giá trị tài sản của Công ty tăng nhẹ khoảng 7,5% từ 321.291 triệu đồng năm 2012 lên 345.275 triệu đồng. Đến quý III/2014, tổng tài sản tiếp tục tăng mạnh lên 461.282 triệu đồng, tương đương mức tăng 33,6% so với thời điểm cuối năm 2013. Trong đó, các chỉ tiêu như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, chi phí trả trước đều tăng mạnh. Trong khi nợ phải trả được giữ ổn định thì tốc độ tăng của tổng tài sản tương ứng với mức độ tăng của vốn chủ sở hữu (chủ yếu là do lợi nhuận để lại).



Về kết quả kinh doanh năm 2013, các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Trong đó, doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ năm 2013 đạt 574.520 triệu đồng, tăng 34,85% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 309.778 triệu đồng, tăng 55,54% và lợi nhuận sau thuế đạt 247.504 triệu đồng, tăng 40,82% so với năm 2012. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc do sản lượng hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài mà Công ty phục vụ tăng đột biến trong năm 2013, bên cạnh đó là việc tiết giảm chi phí, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. Giai đoạn 2012 – 2013, Công ty luôn duy trì được tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân khá cao, năm 2012 là 71,34% và năm 2013 là 89,46%.

Kết thúc Quý 3/2014, doanh thu Công ty đạt 488.755 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 264.179 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 211.552 triệu đồng. Với tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại, Công ty dự kiến không gặp khó khăn trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra từ đầu năm.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Các chuyên gia kinh tế đều dự báo nền kinh tế thế giới nói chung cũng như kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ có những dấu hiệu hồi phục trong giai đoạn 2014 – 2018. Trong đó, nền kinh tế trong nước có thể đạt mức tăng trưởng khởi sắc từ 6-7%/năm. Bên cạnh đó, với quyết tâm đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa và tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước, năng lực cạnh tranh cũng như môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện đáng kể, thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Đảng và Chính phủ tiếp tục thể hiện quyết tâm kiềm chế lạm phát, hạ mặt bằng lãi suất, kiểm soát và bình ổn thị trường tài chính đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.
- Việt Nam đang trong giai đoạn đàm phán cuối cùng để tham gia hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái bình dương (TPP). Sau khi đàm phán kết thúc thành công, sẽ mở ra những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu trong nước, cũng như gia



tăng sự hội nhập của Việt Nam với các nước tham gia hiệp định, từ đó tăng cường các hoạt động giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Chính phủ tiếp tục khuyến khích và triển khai các chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao. Bên cạnh đó, với việc chi phí nhân công tăng cao cũng như môi trường kinh doanh kém dần hấp dẫn của Trung Quốc, Việt Nam nổi lên như là điểm thu hút đầu tư đối với một số tập đoàn điện tử lớn như Samsung, Nokia, LG...
- Các hãng hàng không đều có kế hoạch tăng chuyến và dự báo sản lượng hàng hóa thông qua cảng hàng không Nội Bài tiếp tục tăng trưởng tốt. Đặc biệt sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ của sản lượng hàng điện tử Samsung, Nokia sản xuất tại Việt nam. Nhà máy Nokia đã có sản phẩm ra thị trường từ cuối năm 2013 và nhà máy Samsung mở thêm tại Thái Nguyên đi vào hoạt động từ tháng 3, sản xuất hàng loạt sản phẩm từ tháng 6/2014 (dự kiến sản lượng vào cuối năm 2014 sẽ tương ứng với 90% nhà máy tại Bắc Ninh). Dự báo tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm về hàng hóa tại Nội Bài giai đoạn 2014 - 2018 đạt mức từ 13-15%/năm.
- Việc đầu tư của Samsung tại Thái Nguyên, Bắc ninh đã kéo theo nhiều nhà đầu tư nước ngoài khác với tư cách là nhà cung ứng phụ kiện, dịch vụ hỗ trợ cho Samsung tại khu vực phía Bắc.

❖ **Khó khăn**

- Do bị hạn chế về mặt bằng khai thác, kho bãi phục vụ hàng hóa, Công ty vẫn chịu sự can thiệp của các đơn vị chủ quản, dẫn đến thiếu sự chủ động trong các chính sách về giá.
- Trong bối cảnh đang ngày càng có nhiều doanh nghiệp thực hiện khai thác lĩnh vực phục vụ hàng hóa tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài, ví dụ như: Trung tâm dịch vụ ga hàng hóa Nội Bài (ACS) mở rộng mặt bằng sản xuất từ cuối 2013, nâng cao khả năng cạnh tranh; xuất hiện thêm công ty phục vụ hàng hóa ALSC dự kiến bắt đầu hoạt động từ 2015, Công ty sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng.



- Các mặt hàng vận chuyển bằng đường hàng không qua sân bay Nội Bài thường là các hàng hóa có giá trị lớn, đặc thù, đòi hỏi chất lượng dịch vụ xử lý cao, điển hình là các mặt hàng điện tử. Do đó, Công ty cũng cần không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng lực.
- Do bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, cùng với việc giá dịch vụ tương đồng trong khu vực đang thấp hơn tại Việt Nam, các hãng hàng không quốc tế tăng cường gia tăng sức ép giảm giá dịch vụ.
- Với việc mặt bằng của Công ty bị hạn chế, phân tán, trong khi nhu cầu vận chuyển, sử dụng dịch vụ của khách hàng ngày càng gia tăng, đòi hỏi Công ty phải có những biện pháp thích ứng, cải thiện để không làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Nhân sự ngành Logistics, phục vụ và xử lý hàng hóa trong nước chưa có nhiều kinh nghiệm, năng lực hạn chế. Do đó, ngoài việc cạnh tranh về khách hàng, thị phần, các doanh nghiệp trong ngành còn cạnh tranh rất mạnh mẽ về nhân lực.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, Việt Nam đã có 21 Cảng hàng không được thành lập và đi vào khai thác ở các vùng miền trên toàn quốc, trong đó tập trung chủ yếu ở các miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Đối với các sân bay tại Cảng hàng không miền Trung, các công ty phục vụ hàng hóa chủ yếu do Vietnam Airlines cung cấp các dịch vụ. Do lượng hàng hóa chủ yếu phát triển mạnh tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cạnh tranh tại các khu vực này diễn ra sôi động và khốc liệt hơn. Có thể kể đến sự ra đời và phát triển của một số công ty phục vụ hàng hóa như: Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất, Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn, Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài, Trung tâm dịch vụ ga hàng hóa Nội Bài, Công ty Phục vụ mặt đất Hà Nội, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không... So với các doanh nghiệp khác cùng ngành, NCTS có các điểm mạnh và điểm yếu sau:

Điểm mạnh:

- NCTS là Công ty phục vụ hàng hóa lâu đời nhất hoạt động tại sân bay Nội Bài;

- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã đào tạo và xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhân viên có bề dày kinh nghiệm, năng lực cao;
- Công ty sở hữu mạng lưới đối tác và khách hàng có quan hệ gắn bó mật thiết, truyền thống, đã có quá trình hợp tác lâu dài với Công ty;
- NCTS là một trong số ít những công ty triển khai áp dụng sớm và duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008;
- Công ty có hệ thống kho diện tích lớn cùng với sự liên kết với các khu vực vệ tinh khác, có năng lực phục vụ cao, đặc biệt là đối với các nguồn hàng điện tử đòi hỏi chất lượng dịch vụ cao;
- Hệ thống trang thiết bị, cơ sở hạ tầng được đầu tư mạnh, đồng bộ, hiện đại trong những năm gần đây đảm bảo năng lực thực hiện dịch vụ theo tiêu chuẩn cao;
- Công ty vẫn đang tiếp tục đầu tư mở rộng mặt bằng, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh;
- NCTS sở hữu số lượng trang thiết bị vượt trội, hiện đại so với các đối thủ cạnh tranh khác.

Điểm yếu:

- Mặt bằng khai thác của Công ty còn phải đi thuê, phân tán tại nhiều địa điểm khác nhau làm giảm hiệu quả hoạt động, cũng như khó khăn trong việc chủ động về chi phí;
- Mặc dù không ngừng đào tạo, rèn luyện, nhưng năng lực, trình độ chuyên môn của nhiều cán bộ, nhân viên còn yếu. Số lượng lao động, đặc biệt khối sản xuất, còn thiếu;
- Hệ thống giám sát, kiểm soát an ninh, an toàn hàng hóa chưa đạt yêu cầu của các hãng hàng không quốc tế hàng đầu thế giới;
- Hệ thống công nghệ thông tin: các hệ thống phần mềm, thiết bị thông tin đã được đầu tư nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp thời tốc độ tăng sản lượng và yêu cầu chất lượng dịch vụ của Công ty;
- Thời gian bảo dưỡng sửa chữa các trang thiết bị (dolly, đầu kéo, xe xúc) do phụ thuộc vào đối tác nên thời gian sửa chữa thường xuyên bị kéo dài, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đảm bảo trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

❖ **So sánh với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành**

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của NCTS trong tương quan với các công ty tiêu biểu khác cùng hoạt động trong lĩnh vực phục vụ xử lý hàng hóa hàng không như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS);
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC)

Các chỉ tiêu năm 2013	NCTS	SCSC	TCS
Tổng tài sản	345.275	993.214	389.505
Vốn chủ sở hữu	286.934	428.488	225.143
Vốn điều lệ	95.850	480.000	93.726
Doanh thu thuần	574.520	208.330	440.652
Lợi nhuận trước thuế	309.778	20.272	176.600
Lợi nhuận sau thuế	247.504	20.272	131.826
ROA	74,3%	2,0%	34,0%
ROE	89,5%	4,7%	59,0%

Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo tài chính các công ty

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước đang có những chuyển biến tích cực, bên cạnh đó là quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam, nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung cũng như sản lượng hàng hóa qua cảng hàng không Nội Bài nói riêng sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Dự báo nhu cầu hàng xuất khẩu bằng đường hàng không tăng trưởng khoảng 14%/năm trong giai đoạn 2014 – 2018. Sự tăng trưởng này sẽ mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa đường hàng không như NCTS.

Ngoài ra, ngành Logistics, dịch vụ phục vụ và xử lý hàng hóa đang bắt đầu có được sự quan tâm đúng mức từ Nhà nước, thị trường mà lâu nay vẫn nằm trong tay các doanh nghiệp nước



ngoài, với các chính sách phát triển hạ tầng giao thông, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, phát triển nguồn nhân lực, ... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển.

Tuy nhiên, cũng cần phải nhắc đến sự cạnh tranh trong ngành đang ngày càng gia tăng, các đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài, có tiềm lực về vốn, kỹ thuật và quản trị, liên tục mở rộng mặt bằng, cải tiến trang thiết bị, hạ giá thành dịch vụ để thu hút khách hàng sẽ là thách thức không nhỏ đối với các công ty như NCTS.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp chính sách phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Với mục tiêu chung là giữ vững vị thế công ty phục vụ hàng hóa hàng đầu tại khu vực phía Bắc, được các hãng hàng không ưu tiên lựa chọn, Công ty đã đề ra những chiến lược phát triển như sau:

Về mặt bằng:

- Hoàn thiện đầu tư mở rộng mặt bằng đáp ứng yêu cầu phục vụ hàng hóa tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
- Tập trung hóa các mặt bằng hiện đang phân tán nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về dịch vụ:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng các cam kết đã thỏa thuận với khách hàng, đảm bảo là đơn vị có chất lượng dịch vụ hàng hóa cao nhất tại khu vực sân bay Nội Bài.
- Lấy chất lượng dịch vụ là yếu tố chính trong cạnh tranh, giữ vững và thu hút khách hàng. Tùy theo yêu cầu từng giai đoạn có thể mở rộng các loại hình dịch vụ khác.
- Mở rộng phạm vi hoạt động tới các sân bay khác khi có cơ hội.

Về công nghệ thông tin:

- Quy hoạch và xây dựng hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển, hỗ trợ đắc lực trong công tác điều hành sản xuất, dịch vụ, đảm bảo an toàn an ninh.

Về chính sách lao động:



- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức cho phù hợp với quy mô, phạm vi hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, kỹ thuật cao.
- Thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.
- Đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động. Có chính sách khuyến khích đối với người lao động có trình độ, tay nghề cao. Gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động.

Về công tác đầu tư – tài chính:

- Tiếp tục đầu tư thêm các trang thiết bị chuyên dụng của ngành theo hướng đồng bộ đối với các thiết bị đang sử dụng (xe đầu kéo, xe nâng, truckdock, Dolly...). Mặt khác chú ý nghiên cứu đầu tư đối với các thiết bị tự động hóa để tăng năng suất lao động và giảm thiểu chi phí vận hành.
- Tăng cường quản lý đối với trang thiết bị: lập định mức sử dụng đối với các thiết bị sử dụng nhiên liệu; quản lý bảo dưỡng chặt chẽ để tăng tuổi thọ TTB, hạn chế hỏng hóc đảm bảo phục vụ SXKD.
- Kiểm soát, giảm thiểu các chi phí đầu vào, chi thường xuyên đối với SXKD; lập kế hoạch và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch đảm bảo sử dụng các nguồn vật lực hiệu quả; theo dõi và điều chỉnh kế hoạch kịp thời đảm bảo bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu quy hoạch lại, đưa các giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao công tác điều hành giám sát chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động.

Định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng cũng như chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới về ngành vận tải hàng không.

8. Chính sách đối với người lao động

❖ Cơ cấu lao động

Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2014

Tiêu chí	Tiêu chí		
	Nam	Nữ	Tổng
I. Phân theo trình độ	608	132	740
1. Trên đại học	9	4	13
2. Trình độ đại học	115	70	185
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp, công nhân lao động phổ thông	484	58	542
II. Phân theo phân công lao động	608	132	740
1. Hội đồng quản trị	5	0	5
2. Ban Tổng Giám đốc	3	0	3
3. Lao động quản lý	76	8	84
4. Lao động trực tiếp	524	124	648

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

❖ Chính sách với người lao động

Chế độ làm việc

CBCNV của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài được quy định làm việc bình thường không quá 10 giờ/ngày, 42 giờ/tuần. Đối với lao động trực tiếp làm việc theo chế độ các ca khép kín. Đối với CBCNV thuộc diện lao động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ ở văn phòng làm việc theo giờ hành chính:

- Sáng: 7h30 đến 12h
- Chiều: 13h đến 16h00



Người lao động làm việc liên tục tám (8) giờ/ngày được bố trí nghỉ giữa ca tính vào thời giờ làm việc, cụ thể như sau: nghỉ 30 phút nếu làm việc vào ban ngày, nghỉ 45 phút nếu làm việc vào ban đêm.

CBCNV có thể làm thêm giờ nhưng tổng thời gian kể cả làm thêm giờ không quá 12 giờ/ngày, 300 giờ/năm. CBCNV được nghỉ việc và hưởng lương theo cấp bậc trong những ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước như tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng, ngày Quốc tế lao động, ngày Quốc khánh.

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể: Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách đào tạo

Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng. Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản trị công ty, quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, tài chính kế toán, an toàn lao động, thăm quan học tập ở nước ngoài.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Chính sách lương

CBCNV hưởng theo lương thời gian ngày công làm việc thực tế trong tháng và theo năng suất lao động bình quân hàng tháng của toàn Công ty, ứng với hệ số phân phối được hưởng theo các chức danh công việc tại quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, phân loại thi đua của Công ty hàng năm để thực hiện.

Chính sách thưởng

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm động viên và thu hút lao động có kiến thức phù hợp đã được đào tạo vào làm việc tại Công ty.

Công ty áp dụng chính sách thưởng cho CBCNV bằng quỹ tiền lương của Công ty theo đánh giá chất lượng lao động của các cá nhân hàng tháng. Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ khen thưởng phúc lợi để thưởng cho CBCNV vào các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày 01/05, ngày 02/09.

Bảng 13: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng chi phí lương và thưởng	88.669	96.225
Các khoản phải trả cho người lao động	28.603	26.969
Tổng cộng	117.272	123.194
Tổng số CBCNV	627	660
Thu nhập bình quân (người/tháng)	15,6	15,6

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài***Các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội:**

Tất cả các nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp và đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Người lao động được hưởng: Chế độ hưu trí, chế độ ốm đau, chế độ thai sản, chế độ tử tuất, chế độ TNLD và bệnh nghề nghiệp. Tham gia BHTN người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc.

9. Chính sách cổ tức

Cổ tức được chia từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.



Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo. Tình hình trả cổ tức trong ba năm gần nhất của Công ty như sau:

Bảng 14: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức chi trả
Năm 2011	138%	Tiền mặt
Năm 2012	160%	Tiền mặt
Năm 2013	166%	Tiền mặt
	70%	Cổ phiếu
Tạm ứng năm 2014	70%	Tiền mặt

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

10. Tình hình hoạt động tài chính

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc hạch toán tài sản cố định: theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 15: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	06 - 09
Phần mềm	05

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

❖ Thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân của Công ty năm 2013 ước đạt khoảng 15,6 triệu đồng/người/tháng (xem chi tiết tại Bảng 12). Mức thu nhập này được xem là mức thu nhập bình quân tương đối cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Đến thời điểm báo cáo, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn hoàn thành các khoản phải nộp đúng quy định. Công ty không nợ bất kỳ các nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước.

Bảng 16: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giai đoạn 2012 – Quý 3/2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.507	11.415	16.587
Thuế thu nhập cá nhân	71	574	246
Thuế GTGT	-	-	2.909
Tổng cộng	3.578	11.989	19.742

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013; BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHCĐ thông qua.

Bảng 17: Số dư các quỹ giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Quỹ đầu tư phát triển	56.929	73.951	1.982
Quỹ dự phòng tài chính	3.500	3.500	3.500



Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.593	1.164	3.699
Tổng	63.022	78.615	9.181

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013; BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

❖ Tổng dư nợ vay

Theo BCTC soát xét 9 tháng năm 2014, Công ty không có dư nợ vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác.

❖ Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải thu của khách hàng	28.426	43.993	75.145
Trả trước cho người bán	3.952	29.887	13.165
Các khoản phải thu khác	-	653	735
Tổng các khoản phải thu	32.378	74.533	89.045

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013; BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

Đồng thời với việc khối lượng hàng hoá phục vụ và doanh thu tăng trưởng mạnh Công ty thực hiện ký kết hợp đồng trả sau cho khách hàng là các đại lý trong nước, trong đó kéo dài thời gian thu tiền bình quân. Do đó, các khoản phải thu từ khách hàng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2012 – 9 tháng 2014. Với chính sách công nợ được tuân thủ chặt chẽ, công ty không có các khoản nợ khó đòi và không phải thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải trả

Bảng 19: Các khoản phải trả của Công ty giai đoạn 2012 – 9 tháng năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Phải trả cho người bán	18.082	16.276	10.781
Người mua trả tiền trước	-	2	-
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	3.578	11.989	19.742
Phải trả người lao động	28.603	26.970	25.679
Chi phí phải trả	90	40	4.722
Các khoản phải trả, phải nộp khác	989	641	464
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.593	1.164	3.699
Phải trả dài hạn khác	989	1.259	1.502
Tổng các khoản phải trả	54.924	58.341	66.589

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013; BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 20: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 2012 - 9 tháng năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Hàng tồn kho	2.352	3.844	3.696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
Số dư hàng tồn kho	2.352	3.844	3.696

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013; BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

Do đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, hàng tồn kho của Công ty có giá trị không trọng yếu, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng các quy định hiện hành.



❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây:

**Bảng 21: So sánh một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2012 -
- 9 tháng 2014**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,93	5,06	4,78
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,89	4,99	4,72
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,17	0,14
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,21	0,20	0,17
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	93,56	75,33	52,54
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,45	1,72	1,21
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	41,25	43,08	43,28
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	71,34	89,46	62,07
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	59,64	74,26	52,46
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	46,55	53,91	53,93

Nguồn: Tổng hợp theo BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014



Về khả năng thanh toán, Công ty luôn duy trì được các hệ số thanh toán ở mức cao, đảm bảo an toàn cho tình hình tài chính. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2012 là 4,93 và tăng lên 5,06 năm 2013. Hệ số thanh toán nhanh cũng luôn được giữ ở mức xấp xỉ 5 lần.

Về cơ cấu vốn, Công ty không có các khoản nợ ngân hàng, nguồn vốn kinh doanh đều là vốn chủ sở hữu. Do đó, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức thấp, lần lượt là 0,17 và 0,20 lần năm 2013.

Về năng lực hoạt động, hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân tăng từ 1,45 lần năm 2012 lên 1,72 lần năm 2013 thể hiện hiệu quả hoạt động ngày càng được cải thiện của NCTS.

Về khả năng sinh lời, với kết quả hoạt động kinh doanh tốt, tăng trưởng vượt bậc, các hệ số sinh lời của Công ty đều khá cao. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) lần lượt ở mức 89,46% và 74,26% năm 2013, tăng mạnh so với mức 71,34% và 59,64% năm 2012. Với nỗ lực tiết giảm chi phí, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, biên lợi nhuận được cải thiện đáng kể khi hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 46,55% năm 2012 lên 53,91% năm 2013.

So với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của NCTS đều vượt trội, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh, an toàn, hoạt động kinh doanh tăng trưởng vượt bậc.

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**❖ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị	
Ông Tạ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Hải Phong	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Khắc Thanh	Thành viên HĐQT

▪ Ông Tạ Mạnh Hùng

- 1/ Họ và tên: Tạ Mạnh Hùng
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 19/02/1972
- 4/ Nơi sinh: Hưng Yên
- 5/ CMND: 011996844 do C.A Hà Nội cấp ngày 02/11/1996
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Số nhà 237, Tổ 48, Phương Liên, Đống Đa, HN
- 9/ Số điện thoại công ty: 04.38732732 Ext 1922
- Số điện thoại di động: 0942685868
- 10/ Địa chỉ email: tamanhhung@vietnamairlines.com
- 11/ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- 12/ Quá trình công tác:
- 12/1992-10/1994: Tổ trưởng lễ tân , Khách sạn Phùng Hưng số 2 Đường Thành Hà Nội
 - 11/1994-05/1996: Trợ lý Giám đốc sảnh – Khách sạn Capital Garden 48A Láng Hạ, Hà Nội
 - 06/1996-08/1996: Học nghiệp vụ thương mại



- hàng không – Trường hàng không Việt Nam
- 09/1996-06/1997: Chuyên viên – Trung tâm du lịch hàng không – Tổng công ty HKVN
 - 07/1997-07/2001: Chuyên viên Ban kế hoạch tiếp thị hàng hóa – Tổng công ty HKVN
 - 08/2001-11/2002: Phó trưởng phòng kế hoạch – Ban kế hoạch tiếp thị hàng hóa – Tổng công ty HKVN
 - 12/2002-04/2005: Phó trưởng phòng kế hoạch – Ban tiếp thị hàng hóa – Tổng công ty HKVN
 - 05/2005-04/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
 - 05/2010 – 12/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
 - 12/2012 - 4/2014: Phó trưởng ban Đầu tư, TCT HKVN
 - 05/2014 – nay: Trưởng Ban đầu tư, TCT HKVN
 - 28/01/2013 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
 - 06/02/2013: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (Mã chứng khoán: NCT): Chủ tịch Hội đồng quản trị
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: - Tổ chức: Tổng công ty Hàng không Việt Nam Chức vụ: Trưởng ban Đầu tư - Tổ chức: Công ty cổ phần Bay Việt Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014, trong đó:	8.515 cổ phần, chiếm 0,0341% vốn điều lệ



+ Đại diện phần vốn:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	8.515 cổ phần, chiếm 0,0341%/vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Môi quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên: Lý Thị Thơ
	- Năm giữ: 20.800 cổ phần, chiếm 0,0834% vốn điều lệ
	Bố:
	- Họ và tên: Tạ Đức Địch
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Mẹ: (đã mất)
	Con trai:
	- Họ và tên: Tạ Hùng Minh
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con trai:	
- Họ và tên: Tạ Hùng Quân	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên: Tạ Thị Phong	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên: Tạ Thị Thoa	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Anh ruột:	
- Họ và tên: Tạ Đức Ân	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên: Tạ Thị Hiền	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên: Tạ Thị Thu	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên: Tạ Thị Thành	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	



17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Ông Phạm Hải Phong**

1/ Họ và tên: Phạm Hải Phong

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 02/09/1958

4/ Nơi sinh: Thanh Hóa

5/ CMND: 012088818, ngày cấp: 11/1/2013, nơi cấp: Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: P303, nhà C1 Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch vụ, Cầu Giấy, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0903422767

10/ Địa chỉ email: Phongph@vietnamairlines.com

11/ Trình độ chuyên môn: Đại học

12/ Quá trình công tác:

- 11/1982: trợ lý kế hoạch phòng vận chuyển sân bay Nội Bài
- 11/1988: Đội phó Đội thương vụ , phòng vận chuyển, sân bay Nội Bài
- 8/1990: Quyền trưởng phòng kế hoạch, sân bay quốc tế Nội Bài
- 1991: Trưởng VPCN Hàng không Việt Nam tại Đức
- 11/1993: Đại diện HKVN tại Đài Loan
- 12/1995: Trưởng phòng hàng hóa, XNPVKTTM MĐ Nội Bài
- 02/1996: Trưởng phòng hàng hóa, Văn phòng Khu vực Miền Bắc
- 07/1998: Phó trưởng ban Kế hoạch tiếp thị hàng



- hóa, TCT HKVN
- 11/1999: Trưởng VPCN Hàng không Việt Nam tại Singapore
 - 09/2001: Phó trưởng ban Kế hoạch tiếp thị hàng hóa, TCT HKVN
 - 10/2007: UV HĐQT Công ty cổ phần giao nhận kho vận hàng không
 - 06/2011 đến nay: Phó trưởng ban Kế hoạch tiếp thị hàng hóa, TCT HKVN theo loại hình Công ty TNHH một thành viên
 - 25/4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Thành viên Hội đồng quản trị
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	3.205 cổ phần, chiếm 0,0128 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	Không có
+ Cá nhân sở hữu:	3.205 cổ phần, chiếm 0,0128 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mối quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên: Nguyễn Thị Hà
	- Năm giữ: 22.100 cổ phần, chiếm 0.089% vốn điều lệ
Bố: Đã mất	
Mẹ:	
- Họ và tên: Nguyễn thị Như	



	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Con:	- Họ và tên: Phạm Hải Dương
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Con:	- Họ và tên: Phạm Hải Đăng
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Anh ruột:	- Họ và tên: Phạm Hải Bằng
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Phạm Thị Thanh Mai
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Ông Nguyễn Giang Tiến**

- 1/ Họ và tên: Nguyễn Giang Tiến
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 17/03/1951
- 4/ Nơi sinh: Thái Nguyên
- 5/ CMND: 010982058 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/10/2012
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Nhà số 5/24 Nguyễn Phúc Lai, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- 9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0913211451
- 10/ Địa chỉ email: Không
- 11/ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
- 12/ Quá trình công tác:
- Từ 1971 -5/1972: Công nhân nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo
 - 06/1972- 12/1973: Tham gia chiến đấu tại đơn



vị pháo 100 Phòng không thuộc Quân khu Thủ đô và K9- E220 F361

- 01/1974- 4/1975: Cán bộ điều độ kế hoạch nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo.
- 05/1975 – 12/1975: Đoàn 6 phòng không – Bộ tư lệnh duyệt binh.
- 01/1976- 7/1978: Cán bộ điều độ kế hoạch PX CK2 nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo.
- 08/1978 – 12/1991: Cán bộ Công ty Vận tải Ngoại thương, Bộ Ngoại Thương
- 01/1992 – 1997: Phó trưởng phòng Hàng không Bộ Ngoại Thương
- 01/1998 – 11/2003: trưởng phòng giao nhận 1
- 12/2003 – 2/2006: UV HĐQT/Phó TGD Công ty vận tải và thuê tàu - Bộ GTVT
- 09/2006 : Phó TGD Công ty CP Vận tải và thuê tàu - Bộ GTVT

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Thành viên HĐQT
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: - Tổ chức: Công ty Cổ phần Vận Tải & Thuê Tàu (VIETFRACHT) - Chức vụ: Thành viên BKS
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	16.900 cổ phần, chiếm 0,0678 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	16.900 cổ phần, chiếm 0,0678% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	



16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mọi quan hệ:
	Vợ: - Họ và tên: Nguyễn Thị Hoàng Yến - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Bố: - Họ và tên: Nguyễn Vinh (Đã mất) - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Mẹ: - Họ và tên:Trịnh Thị Hằng Quý (Đã mất) - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Con: - Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Con: - Họ và tên:Nguyễn Bảo Giang - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Chị ruột: - Họ và tên: Nguyễn Trinh Lê - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Em ruột: - Họ và tên:Nguyễn Hòa Bình - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Ông Đào Mạnh Kiên**

1/ Họ và tên: Đào Mạnh Kiên
 2/ Giới tính: Nam
 3/ Ngày tháng năm sinh: 26/07/1970
 4/ Nơi sinh: Hải Phòng
 5/ CMND: 012237101 Công an Hà Nội cấp ngày 20/04/2007
 6/ Quốc tịch: Việt Nam



- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Phòng 303, A1, Tổ dân phố 28, ngõ 447, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
- 9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0983453388
- 10/ Địa chỉ email: daomanhkien@noibaicargo.com.vn
- 11/ Trình độ chuyên môn: Đại học
- 12/ Quá trình công tác:
- 8/1994: Chuyên viên ban KHTT, Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam.
 - 2/1996: Chuyên viên văn phòng khu vực Miền Bắc, Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam.
 - 7/1998: Phó phòng Thương mại hàng hóa, VPKV Miền Bắc.
 - 9/1999: Phó phòng tiếp thị hàng hóa, Ban KHTT hàng hóa.
 - 7/2001: Trưởng phòng tiếp thị hàng hóa, Ban KHTTHH.
 - 6/2007: Kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị, Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất.
 - 5/2009: Trưởng Chi nhánh HKVN tại Hàn Quốc
 - 1/2013: Về Tổng công ty HKVN nhận công tác
 - 2/2013: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
 - 6/2013: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài, kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm)	9.617 cổ phần, chiếm 0,0385 % vốn điều lệ



15/10/2014), trong đó:	
+ Đại diện phần vốn:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	9.617 cổ phần, chiếm 0,0385 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Môi quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Bố: (đã mất)
	- Họ và tên: Đào Mạnh Thuận
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Mẹ: (đã mất)	
- Họ và tên: Đào Thị Thơm	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đào Yến Nhi	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đào Mạnh Hiến Khang	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Anh ruột:	
- Họ và tên: Đào Mạnh Dũng	
- Năm giữ: 11.687 cổ phần, chiếm 0.0469 % vốn điều lệ	

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Ông Đỗ Khắc Thanh**

1/ Họ và tên: Đỗ Khắc Thanh

2/ Giới tính: Nam



- 3/ Ngày tháng năm sinh: 08/03/1957
- 4/ Nơi sinh: Tân An, Thanh Hà, Hải dương
- 5/ CMND: 011787210 Công an Hà Nội cấp ngày 09/04/2009
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Số 23 Ngách 117/20 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
- 9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0913235977
- 10/ Địa chỉ email: thanhdk@vietnamairlines.com
- 11/ Trình độ chuyên môn: Đại học
- 12/ Quá trình công tác:
- 6/1975: Chiến sỹ E919, Bộ tư lệnh không quân.
 - 2/1976: Thống kê quân lực, vụ TCCB, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam.
 - 7/1977: Học viên trường sỹ quan tài chính.
 - 6/1979: Giáo viên, Trưởng ban TM huấn luyện, Trường Hậu cần.
 - 7/1983: Trợ lý Vụ tổ chức cán bộ, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam.
 - 4/1988: Phó phòng chế độ, Vụ kế toán tài vụ, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam.
 - 1992: Chuyên viên Ban Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương, Tổng công ty Hàng không VN.
 - 6/1993: Trưởng phòng TCCB, Ban TCCB – LĐTTL, Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam.
 - 9/1997: Trưởng phòng TCCB, Ban TCCB – LĐTTL, Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
 - 12/1998: Trưởng phòng chế độ, Ban Tài chính kế toán, Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
 - 6/2012: Phó chánh Văn phòng Đối ngoại, Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
 - 6/2013: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.



13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Thành viên Hội đồng quản trị
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014) trong đó:	3.205 cổ phần, chiếm 0,0128 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	Không có
+ Cá nhân sở hữu:	3.205 cổ phần, chiếm 0,0128 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Môi quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên: Phạm Thị Thương
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Bố:
	- Họ và tên: Đỗ Khắc Ngọ
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Mẹ:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Lược	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đỗ Khắc Cường	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đỗ Thu Thảo	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Anh ruột:	
- Họ và tên: Đỗ Khắc Thư	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Em ruột:	
- Họ và tên: Đỗ Khắc Thương	



	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Khắc Thụ
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Thúy
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Thùy
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Toàn
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Tuyết
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Trinh
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Nga
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đỗ Thị Mươi
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Đào Mạnh Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

- **Ông Đào Mạnh Kiên** – Như đã trình bày ở trên

**▪ Ông Đinh Trọng Sơn**

- 1/ Họ và tên: Đinh Trọng Sơn
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 22/02/1969
- 4/ Nơi sinh: Nghệ An
- 5/ CMND: 013041990 do C/A Hà Nội cấp ngày 15/03/2008
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: 12 - N7B khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- 9/ Số điện thoại: 04.35840904; 0913240760
- 10/ Địa chỉ email: dingtrongson@noibaicargo.com.vn
- 11/ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- 12/ Quá trình công tác:
- 1993-6/1997: Chuyên viên Ban tài chính kế toán Tổng công ty HKVN
 - 7/1997-3/2003: Cán bộ đại diện - Văn phòng chi nhánh Hàng không Việt Nam tại Thái Lan.
 - 4/2003-4/2005: Phó Trưởng phòng Kế toán tổng hợp - Ban TCKT - Tổng công ty HKVN
 - 5/2005-9/2010: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT - Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
 - 10/2010-9/2014: Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng - Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
 - 10/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Phó Tổng Giám đốc
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không có



14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	10.000 cổ phần, chiếm 0,0401 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	Không có
+ Cá nhân sở hữu:	10.000 cổ phần, chiếm 0,0401 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	<p>16.1 Mỗi quan hệ:</p> <p>Vợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Trần Nguyễn Hợp Châu - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ <p>Bố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Trọng Hiền - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Hồ Thị Quy - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Con:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Châu Giang - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Con:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Trọng Khải Nguyên - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Anh ruột:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Trọng Toàn - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Anh ruột:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Viết Thắng - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Chị ruột:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Thị Quế - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ <p>Chị ruột:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Đinh Thị Hà - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



	Em ruột: - Họ và tên: Đinh Trọng Hải - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Em ruột: - Họ và tên: Đinh Trọng Lạng - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Em ruột: - Họ và tên: Đinh Trọng Long - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■

■ **Ông Đặng Đức Hoàn**

- 1/ Họ và tên: Đặng Đức Hoàn
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 04-05-1970
- 4/ Nơi sinh: Hà Nội
- 5/ CMND: 011465028, ngày cấp: 03/10/2007, nơi cấp: Hà Nội
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: 58 Bát Sứ - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
- 9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0969968558
- 10/ Địa chỉ email: dangduchoan@noibaicargo.com.vn
- 11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- 12/ Quá trình công tác:
 - + Từ 10-1993 đến 08-2008: Làm việc tại Xí nghiệp thương mại mặt đất Nội Bài - TCTY HKVN. Qua các chức vụ đội phó, đội trưởng, phó phòng.
 - + Từ 08-2008 đến 08-2013: Là đại diện của Vietnam Airlines tại Cộng hòa Pháp.
 - + Từ 08-2013 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài. Đang giữ chức vụ Phó tổng giám đốc.



13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Phó Tổng Giám Đốc
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014, trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ : Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mối quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên: Lê Thị Minh Tâm
	- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Bố:
	- Họ và tên: Đặng Cao Hải
	- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Mẹ:	
- Họ và tên: Trịnh Thị Nga	
- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đặng Lê Trịnh	
- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Đặng Trịnh Lê	
- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Em ruột:	
- Họ và tên: Đặng Đức Hưng	
- Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	



	Em ruột: - Họ và tên: Đặng Đức Thịnh - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
--	---

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**❖ Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát	
Ông Đặng Huy Khôi	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Bà Đinh Thu Hà	Thành viên

▪ Ông Đặng Huy Khôi

- 1/ Họ và tên: Đặng Huy Khôi
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 05/05/1960
- 4/ Nơi sinh: Hải Dương
- 5/ CMND: 011802914, ngày cấp: 21/5/2004, nơi cấp: C/A TP Hà Nội
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: Số 4 Tập thể Công ty Tây Hồ- ngõ 487- đường Hoàng Quốc Việt- Bắc Từ Liêm – Hà Nội
- 9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0912019999
38845999 danghuykhoi@nasco.vn
- 10/ Địa chỉ email: danghuykhoi_hn@yahoo.com.vn
- 11/ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- 12/ Quá trình công tác: + Từ 1980 đến tháng 8/1994 : Kế toán tổng hợp Sân bay Quốc tế Nội Bài.



+ Từ tháng 9/1994 đến tháng 3/2006 : Kế toán trưởng công ty dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài – Tổng công ty HKVN.

+ Từ tháng 4/2006 đến nay : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài.

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Trưởng Ban Kiểm soát
	<p>13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO) - Chức vụ: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc - Mã chứng khoán : NAS
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn :	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mỗi quan hệ:
	Vợ:
	<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Trịnh Thị Thúy - Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Bố:

	- Họ và tên: Đặng Huy Đức - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Mẹ:	- Họ và tên: Vương Thị Mầu - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Con:	- Họ và tên: Đặng Thái Hà - Năm giữ: cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Con:	- Họ và tên: Đặng Thanh Hải - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Em ruột:	- Họ và tên: Đặng Thị Kim Dung - Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Ông Đặng Thanh Hải**

1/ Họ và tên: Đặng Thanh Hải
2/ Giới tính: Nam
3/ Ngày tháng năm sinh: 15/01/1971
4/ Nơi sinh: Ninh Bình
5/ CMND: 012519507 Công an Hà Nội cấp ngày 31/03/2008
6/ Quốc tịch: Việt Nam
7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú: Số 1 ngõ 71, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0913203722
10/ Địa chỉ email: hai@redstar.com.vn
11/ Trình độ chuyên môn: Đại học
12/ Quá trình công tác: - Từ 1988- 1993: học Đại học kiến trúc Hà Nội



- 1993-1994 : làm tại phòng kinh doanh công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ
- Từ 1994 đến nay là Phó Tổng Giám đốc công ty liên doanh Hecny Transportation Việt Nam – phụ trách tài chính
- Từ 1994 đến nay là kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ - phụ trách tài chính
- Năm 2008 -2009 thành viên ban kiểm soát công ty tập đoàn đầu tư và phát triển Việt Nam.
- Từ năm 2008 đến nay là Thành viên ban kiểm soát công ty Quản lý quỹ Sài Gòn – Hà Nội

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: thành viên Ban kiểm soát
	<p>13.2 Chức vụ tại tổ chức khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức:Công ty liên doanh Hecny Transportation Việt Nam Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Mã chứng khoán: Chưa có - Tổ chức:Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Mã chứng khoán:chưa có - Tổ chức:Công ty Quản lý quỹ Sài Gòn – Hà Nội Chức vụ:Thành viên ban kiểm soát Mã chứng khoán:chưa có
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	42.988 cổ phần, chiếm 0,1724 % vốn điều lệ



+ Đại diện phần vốn:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	42.988 cổ phần, chiếm 0,1724 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mối quan hệ:
	Vợ:
	- Họ và tên:Phạm Huệ Nương
	- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Bố:
	- Họ và tên: Đặng Văn Nga
	- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Mẹ:
	- Họ và tên:Ngô Thị Ngọ
	- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Con:	
- Họ và tên:Đặng Duy Khoa Linh	
- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên:Đặng Bảo Khanh	
- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên:Đặng Bảo Hân	
- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên:Đặng Kim Dung	
- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
Chị ruột:	
- Họ và tên:Đặng Kim Liên	
- Năm giữ:0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ	
Anh ruột:	
- Họ và tên: Đặng Văn Sơn	
- Năm giữ: 21.889 cổ phần, chiếm 0,0878 % vốn điều lệ	

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

▪ **Bà Đinh Thu Hà**

1/ Họ và tên: Đinh Thu Hà

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 03/08/1970

4/ Nơi sinh: Hội An, Quảng Nam

5/ CMND: 011673702 Công an Hà Nội cấp ngày 16/8/2010

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 17A Ngõ 42 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0913016365

10/ Địa chỉ email: hadt@vietnamairlines.com

11/ Trình độ chuyên môn: Đại học

12/ Quá trình công tác:

- 11/1992: Chuyên viên Ban tài chính kế toán, Tổng công ty HKVN
- 08/2004: Phó trưởng phòng thanh toán chi, Ban tài chính kế toán - Tổng công ty HKVN
- 05/2005: UV Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (2005 – 2010).
- 04/2010: UV Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (2010 – 2015).
- 05/2010: Thành viên HĐQT Công ty TNHH phân phối toàn cầu Abacus Việt Nam
- 02/2013: Trưởng phòng đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, Ban Đầu tư, Tổng công ty HKVN.



13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: thành viên Ban kiểm soát
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 15/10/2014), trong đó:	1.345 cổ phần, chiếm 0,0053 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	1.345 cổ phần, chiếm 0,0053 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mọi quan hệ:
	Chồng:
	- Họ và tên: Phạm Ngọc Long
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Bố:
	- Họ và tên: Đinh Hạnh
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	Mẹ:
- Họ và tên: Đoàn Thị Hiêm	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Phạm Ngọc Dũng	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Con:	
- Họ và tên: Phạm Hà Phương	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Em ruột:	
- Họ và tên: Đinh Việt Hưng	
- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Em ruột:	
- Họ và tên: Đinh Thị Thu Hồng	

	- Năm giữ: 12.205 cổ phần, chiếm 0.0489 % vốn điều lệ
--	--

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ **Trưởng phòng Tài chính kế toán – Phụ trách kế toán**

▪ **Ông Ngô Quang Huy**

1/ Họ và tên: Ngô Quang Huy
2/ Giới tính: Nam
3/ Ngày tháng năm sinh: 29/07/1978
4/ Nơi sinh: Lộc Hà, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội
5/ CMND: 011943966, ngày cấp: 11/10/2006, nơi cấp: CAHN
6/ Quốc tịch: Việt Nam
7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú: Số 63, khu đường II, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động: 0904672992
0435840905
10/ Địa chỉ email: huynq.acc@noibaicargo.com.vn
11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
12/ Quá trình công tác:
+ Từ 5/2005 đến 8/2007: Chuyên viên – Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài
+ Từ 8/2007 đến 10/2011: Kế toán tổng hợp – Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài
+ Từ 11/2011 đến 9/2014: Phó trưởng phòng TCKT – Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài
+ Từ 10/2014 đến nay: Trưởng phòng TCKT kiêm phụ trách kế toán – Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài



+ Từ 09/2009 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Giao nhận kho vận hàng không (nay là Công ty cổ phần Logistics Hàng không)

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài: Trưởng phòng tài chính kế toán, kiêm phụ trách kế toán công ty
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác: - Tổ chức: Công ty CP Logistics Hàng không (ALS) - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/09/2014), trong đó:	2.002 cổ phần, chiếm 0,0080 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	2.002 cổ phần, chiếm 0,0080% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết, 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mọi quan hệ:
	Vợ: - Họ và tên: Lê Thị Lan Hương - Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Bố: - Họ và tên: Ngô Anh Thái - Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	Mẹ: - Họ và tên: Phan Thị Chi - Nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Con: - Họ và tên: Ngô Lê Hùng	



	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Con:	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	- Họ và tên: Ngô Lê Hùng Sơn
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Chị ruột:	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	- Họ và tên: Ngô Thị Thanh Vân
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Em ruột:	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
	- Họ và tên: Ngô Duy Giáp
	- Năm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12. Tài sản

❖ Tài sản cố định

Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	89.964	52.648	37.315	
1	Máy móc thiết bị	12.270	6.155	6.115	49,84
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	65.120	37.822	27.298	41,92
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	12.574	8.671	3.902	31,03
II	Tài sản cố định vô hình	6.199	3.268	2.931	
1	Phần mềm máy tính	6.199	3.268	2.931	47,28

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013

**Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2014**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Tài sản cố định hữu hình		121.796	60.609	61.187	
1	Máy móc, thiết bị	24.198	7.781	16.417	67,84
2	Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	84.927	43.142	41.785	49,20
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	12.671	9.686	2.985	23,56
Tài sản cố định vô hình		6.199	3.763	2.436	
1	Phần mềm máy tính	6.199	3.763	2.436	39,29

Nguồn: BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

Tại ngày 30/06/2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 26.259.524.762 đồng; nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.902.491.715 đồng.

❖ **Tình hình sở hữu đất đai****Bảng 24: Tình hình đất đai đến thời điểm báo cáo**

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời hạn thuê (năm)
1	Khu vực trên sân đỗ giai đoạn 1 (PT2-2; PA3-F)	7.017	12 tháng
2	Khu vực văn phòng làm việc tầng 3 nhà ga hàng hóa	260	24 tháng
3	Khu văn phòng tầng 3 trực (4-6)(B"-C) (Đội PVHX, Đội XDHH, Phòng máy chủ)	196	24 tháng
4	Khu vực kho hàng hóa (Nhà ga hàng hóa mới)	9.075	24 tháng
5	Kho NCT3	12.786	60 tháng
6	Khu thủ tục mới tại tòa nhà NTS	596	60 tháng



7	Trụ sở làm việc (Tầng 2 tòa nhà NTS)	1.284	60 tháng
8	Khu vực sân kho NCTS2	2.100	12 tháng
9	Khu đội xe	2.095	55 tháng
10	Kho NCTS2	2.742	18 tháng

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: triệu đồng

259.600 259.122

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% so với năm 2013	Giá trị	% so với năm 2014
Sản lượng hàng phục vụ (tấn)	304.327	335.000	+10,1%	370.400	+10,6%
Vốn điều lệ (*)	95.850	249.209	+160%	249.209	-
Tổng Doanh thu	598.564	673.000	+12,4%	775.000	+15,2%
Lợi nhuận sau thuế	247.500	259.600	+4,9%	259.100	-0,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	41,4%	38,6%	-	33,4%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	258,2%	104,2%	-	103,9%	-
Cổ tức (tỷ lệ trên Vốn điều lệ)	236%	90%	-	90%	-

Nguồn: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 0114/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2014 Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với



tỷ lệ phát hành là 160%. Hiện nay, đợt phát hành đã hoàn thành và Công ty đã thực hiện báo cáo UBCKNN theo quy định.

Về kế hoạch kinh doanh, Công ty đặt mục tiêu năm 2014 đạt doanh thu 673.000 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 259.600 triệu đồng. Sang năm 2015, Công ty tiếp tục phấn đấu tăng trưởng doanh thu lên 775.000 triệu đồng, tăng 15,2% so với kế hoạch năm 2014. Tuy nhiên, do hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế suất nên mục tiêu lợi nhuận sau thuế đặt ra cho năm 2015 là 259.100, giảm nhẹ 0,2% so với kế hoạch năm 2014.

Kết thúc quý 3/2014, doanh thu thuần lũy kế 9 tháng là 488.755 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 211.552 triệu đồng, lần lượt đạt 72,6% và 81,5% kế hoạch cả năm.

❖ **Căn cứ thực hiện**

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên năng lực hiện tại, các hợp đồng đã được ký kết, những nhận định đánh giá về thị trường và tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai.

Xét về năng lực

Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa với đội ngũ lãnh đạo cùng tập thể CBCNV có năng lực và tâm huyết. Công ty sở hữu trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, mạng lưới khách hàng và đối tác lớn là các hãng hàng không quốc tế đang khai thác tại sân bay Nội Bài cùng các công ty, đại lý giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước.

Xét về tiềm năng và cơ hội phát triển

Sau khi gia nhập WTO, quan hệ hợp tác kinh tế thương mại với các nước trên thế giới cũng đã được mở rộng. Theo đó, sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường hàng không nói chung và cảng hàng không quốc tế Nội Bài nói riêng sẽ ngày càng tăng, từ đó nhu cầu về dịch vụ phục vụ hàng hóa của Công ty cũng tăng theo.

Năm 2014, dự báo thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam và tình hình vận tải hàng hóa bằng đường hàng không nói chung cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics tại Việt Nam nói riêng sẽ có nhiều khởi sắc. Dự báo sản lượng vận tải hàng hóa bằng đường hàng không thông qua cửa khẩu Nội Bài trong năm 2014 tăng trưởng từ 15-20% so với năm 2013, trong đó tập trung chính vào khối lượng



hàng xuất nhập khẩu của Samsung, Nokia Việt Nam (dự kiến tăng khoảng 40% so với năm 2013, đặc biệt là dự báo sản lượng của Samsung Thái Nguyên tăng trưởng rất lớn vào giai đoạn cuối năm), việc Nokia bắt đầu tham gia xuất khẩu điện thoại di động sản xuất tại KCN VSIP Bắc Ninh qua đường hàng không và việc các nhà đầu tư Nhật Bản đầu tư mạnh vào các KCN phía Đông... cũng sẽ là những nhân tố tác động tích cực tới sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua cửa khẩu sân bay Nội Bài. Sản lượng vận chuyển hàng nội địa cũng có xu hướng tăng trưởng hơn so với năm 2013 do sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế trong nước.

❖ Kế hoạch đầu tư

Bảng 26: Kế hoạch đầu tư và thực hiện dự án năm 2014

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giải ngân
1	Đầu tư các hạng mục chuyển tiếp từ năm 2013 bao gồm: Dự án đầu tư kho hàng nhập quốc tế; xe đầu kéo; xe xúc nâng Diesel; xe xúc nâng điện; máy chủ; Camera; Dolly 10ft...	88.400
2	Đầu tư các trang thiết bị, phương tiện phục vụ	52.100
3	Đầu tư hạ tầng cơ sở	26.600
4	Đầu tư góp vốn	9.240
Tổng cộng		176.340

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

❖ Các biện pháp thực hiện chiến lược kinh doanh

• Về mặt bằng

- Trong giai đoạn 2014 – 2015: Công ty sẽ thực hiện hoàn thiện đầu tư và triển khai khai thác kho hàng nhập quốc tế NCT3 với tổng diện tích trên 12.000m² (bao gồm nhà kho, sân kho và sân tác nghiệp), mở rộng khai thác đối với khu vực hàng xuất quốc tế tại kho NCTS1 cụ thể như sau:



- + Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện đầu tư toàn bộ kho hàng nhập quốc tế NCT3 và bắt đầu từ 30/08/2014 khai thác kho hàng hóa nhập quốc tế.
- + Đối với các mặt bằng hiện nay đang thuê của Cảng HKQT Nội Bài: nhà kho hàng hóa mới (9.075 m²), Công ty sẽ hoàn thành cải tạo toàn bộ khu vực ga hàng hóa mới (9.075 m²) trước tháng 12/2014 phục vụ cho khai thác hàng hóa xuất quốc tế và nội địa; các khu vực văn phòng tầng 3 (196 m²) thuộc trục (4-6)(B”-C) (Đội PVHX, Đội XDHH, Phòng máy chủ), khu văn phòng tầng 3 nhà ga hàng hóa (196m²) và 7.017 m² mặt bằng khu vực sân đỗ giai đoạn 1 (PT2-2;PA3-F) sẽ tiếp tục duy trì nhằm đảm bảo mặt bằng phục vụ sản xuất kinh doanh.
- + Các khu vực mặt bằng: Sân kho NCTS2 (2.100 m²) và kho NCTS2 (2.742m²) sử dụng cho khai thác hàng hóa nhập nội địa; khu vực mặt bằng đội xe (2.095m²) đảm bảo cho các phương tiện vận tải tập kết và kho vật tư hàng hóa; Khu thủ tục mới tại tòa nhà NTS (596 m²) phục vụ cho thủ tục hàng nhập quốc tế bên cạnh kho hàng nhập quốc tế NCT3; Mặt bằng tầng 2 – Tòa nhà NTS (1.284 m²) là Trụ sở làm việc của toàn Công ty.
- Trong giai đoạn từ 2016-2018: Tìm kiếm thêm mặt bằng tại khu vực sân bay quốc tế Nội Bài và đầu tư dự án xây dựng trụ sở công ty, đồng thời tích cực đẩy mạnh công tác tìm kiếm mặt bằng bổ sung cho giai đoạn trung và dài hạn. Thực hiện các biện pháp để chủ động trong việc sử dụng mặt bằng cho việc cung cấp các dịch vụ hàng hóa, giảm chi phí thuê mặt bằng, giảm sự lệ thuộc đối với đơn vị cho thuê mặt bằng, đầu tư đồng bộ đối với các dịch vụ cung cấp, trang thiết bị, công nghệ, nhân lực.
- Trong ngắn hạn từ 2014 – 2018: Nghiên cứu, triển khai phương án hợp tác khai thác đối với các đối tác để tăng cường thế mạnh các bên. Chia sẻ thị phần thị trường bằng hợp tác phân chia các công đoạn phục vụ trong chuỗi các dịch vụ nhằm gia tăng giá trị dịch vụ.
- **Về dịch vụ:**
 - Từ 2014 – 2015: Công ty đặt mục tiêu chính là nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty lên đúng cam kết với khách hàng (SLA); đảm bảo chất lượng sản phẩm theo hệ thống IOSA và nghiên cứu triển khai áp dụng ISAGO trong năm 2015; giữ vững và phục vụ tốt



các hãng hàng không hiện tại đang là đối tác; tăng cường dịch vụ giao hàng nguyên ULD về các kho hàng vệ tinh.

- Từ 2016 – 2018: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng của các sản phẩm dịch vụ hiện tại đang khai thác đồng thời mở rộng các giá trị gia tăng trong mỗi chuỗi cung ứng sản phẩm của Công ty.
- **Đối với công tác tổ chức, cán bộ và phát triển nguồn nhân lực:**
 - Thực hiện bố trí, sắp xếp lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giản nhân sự: sử dụng nguồn nhân lực theo hướng outsource đối với các lao động công nhật (nhằm chủ động nguồn nhân lực, giảm bớt gánh nặng về chi phí, quản lý), bên cạnh đó phải thực hiện ngay công tác đào tạo, tuyển dụng lao động lành nghề ngay từ năm 2014 – 2015 để nâng cao chất lượng dịch vụ; thực hiện điều chuyển cán bộ phù hợp với năng lực chuyên môn và nhu cầu công việc; tăng cường công tác xử lý kỉ luật nghiêm đối với các trường hợp vi phạm Nội quy lao động để siết chặt kỉ cương.
 - Tăng cường công tác đánh giá năng lực cán bộ, thực hiện thường xuyên việc luân chuyển, điều động cán bộ vào vị trí phù hợp với nhu cầu, năng lực. Gắn trách nhiệm, vai trò của cán bộ đối với kết quả hoạt động của đơn vị phụ trách.
 - Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện. Đẩy mạnh công tác tự đào tạo với một số nội dung chuyên ngành, các chứng chỉ quốc tế liên quan đến các dịch vụ cung cấp, nâng cao yêu cầu về kĩ năng ngoại ngữ tiếng Anh đối với nhân viên, đội ngũ quản lý, tạo tiền đề cho việc triển khai các kế hoạch cải tổ, cải cách chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh của Công ty trong bối cảnh thị phần ngày càng bị thu hẹp.
- **Công tác đầu tư, sửa chữa trang thiết bị và công nghệ thông tin:**
 - Đầu tư bổ sung và đổi mới các trang thiết bị chuyên dụng của ngành theo hướng đồng bộ đối với thiết bị đang sử dụng (xe đầu kéo, xe nâng, truckdock, Dolly...) để giảm chi phí bảo dưỡng sửa chữa, kho vật tư và tạo thuận lợi cho người vận hành. Mặt khác chú ý nghiên cứu đầu tư đối với các thiết bị tự động hóa để tăng năng suất lao động và giảm thiểu chi phí vận hành.



- Nâng cao hiệu quả công tác sửa chữa trang thiết bị: quản lý quá trình bảo dưỡng sửa chữa TTB, lựa chọn thêm đối tác, lập kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng và hệ số sử dụng trang thiết bị cao, đảm bảo đủ điều kiện phục vụ sản xuất.
- Nghiên cứu, quy hoạch lại hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại, triển khai áp dụng phần mềm phục vụ hàng hóa mới, đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty; đầu tư nâng cấp đối với hệ thống camera giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, các trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin tạo điều kiện cho các công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động.
- **Giải pháp về đầu tư tài chính:**
 - Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của công ty, vào các dự án cùng ngành nghề, đầu tư ra ngoài doanh nghiệp khi xét thấy hiệu quả cao.

14. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là nhà tư vấn chuyên nghiệp, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có bản lĩnh và năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt.

Trước tình hình khả quan về tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và ngành của Công ty nói riêng và những lợi thế riêng có, Công ty đã chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao trình độ quản lý và chất lượng dịch vụ.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đã đề ra cho năm 2014 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa bảo đảm được mức lợi tức cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty cam kết thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty cho phù hợp với quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC về quy định quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/7/2012, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Mã chứng khoán

NCT

4. Tổng số chứng khoán niêm yết:

24.920.934 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Bảng 27: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
1	Ông Tạ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	8.515	4.258
2	Ông Phạm Hải Phong	Thành viên HĐQT	3.205	1.603
3	Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên HĐQT	16.900	8.450
4	Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9.617	4.809
5	Ông Đỗ Khắc Thanh	Thành viên HĐQT	3.205	1.603
6	Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	10.000	5.000
7	Ông Đặng Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	0	0



8	Ông Đặng Huy Khôi	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
9	Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	42.988	21.494
10	Bà Đinh Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	1.345	673
11	Ông Ngô Quang Huy	Phụ trách kế toán	2.002	1.001
12	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Cổ đông lớn	13.738.478	6.869.239
13	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	Cổ đông lớn	1.740.619	870.310
TỔNG CỘNG			15.576.874	7.788.440

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

6. Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Giá trị sổ sách của cổ phiếu NCT tại các thời điểm là 31/12/2012, 31/12/2013 và 30/09/2014 như sau:

Bảng 28: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 30/09/2014
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	266.367.711.433	286.934.444.338	394.693.229.357
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	9.585.000	9.585.000	24.920.934

Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	27.790	29.936	15.838
(C) = (A)/(B)			

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC soát xét 9 tháng 2014

**Lưu ý: Giá trị sổ sách trên chỉ mang tính tham khảo và không bao hàm ý nghĩa giá trị của chứng khoán.*

7. Phương pháp xác định giá

Giá cổ phiếu được xác định dựa trên các phương pháp tính giá khác nhau, bao gồm phương pháp dòng tiền chiết khấu, phương pháp tài sản và phương pháp so sánh. Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF) và phương pháp so sánh hệ số P/E được lựa chọn để đánh giá cổ phiếu của Công ty.

7.1 Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF)

Phương pháp này dùng để tính giá trị của toàn bộ doanh nghiệp bao gồm cả giá trị phần vốn chủ sở hữu và giá trị của phần nợ phải trả. Giá trị của doanh nghiệp được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp (dòng tiền còn lại sau khi trừ đi các chi phí hoạt động, nhu cầu tái đầu tư và thuế nhưng không trừ đi những khoản thanh toán cho chủ sở hữu hoặc chủ các khoản vay nợ của công ty) tại chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC), là tổng hợp chi phí của các nguồn vốn doanh nghiệp huy động theo trọng số là tỷ trọng giá trị thị trường. Giá trị của phần vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách trừ giá trị của phần nợ thực (Net debt) ra khỏi giá trị của toàn doanh nghiệp.

Dòng tiền tự do của doanh nghiệp FCFF = Lợi nhuận sau thuế + khấu hao + chi phí lãi vay sau thuế – thay đổi trong vốn lưu động – chi phí vốn đầu tư

Giá trị doanh nghiệp = FCFF chiết khấu theo WACC

Giá trị vốn chủ sở hữu = Giá trị toàn doanh nghiệp – giá trị nợ vay – cổ phiếu ưu đãi – lợi ích cổ đông thiểu số + tiền và các khoản tương đương tiền.

**Các giả định tính toán****Kế hoạch kinh doanh***Đơn vị: triệu đồng*

	2014F	2015F	2016F	2017F	2018F
Tổng doanh thu	673.000	775.000	778.000	781.000	788.000
Tổng chi phí	349.000	444.178	442.258	441.080	444.600
Lợi nhuận trước thuế	324.000	330.822	335.742	339.920	343.400
Lợi nhuận sau thuế	259.600	259.100	269.642	273.520	276.500

Kế hoạch dòng tiền*Đơn vị: triệu đồng*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	653.000	760.000	768.000	762.000	778.000
Lợi nhuận sau thuế	259.600	259.100	269.642	273.520	276.500
Cộng: Khấu hao & khấu trừ	21.318	33.818	53.952	56.181	81.855
Cộng: Chi phí lãi vay sau thuế					
Cộng: (Tăng)/Giảm vốn lưu động	-1.961	-4.045	-302	227	-605
Trừ: Chi phí vốn đầu tư	176.340	185.000	333.400	85.800	28.800
Dòng tiền tự do (FCFF)	102.618	103.873	-10.108	244.128	328.950
Giá trị doanh nghiệp cuối kỳ dự báo					1.701.020
Giá trị doanh nghiệp chiết khấu về thời điểm 30/9/2014	1.534.017				

Tỷ lệ chiết khấu

Cấu trúc vốn mục tiêu	
Tỷ lệ nợ vay trên giá trị thị trường	0%
Tỷ lệ vốn chủ trên giá trị thị trường	100%
Chi phí vốn vay	
Lãi suất vay	8%
Thuế suất	22%
Chi phí vốn vay sau thuế	6,2%
Chi phí vốn chủ sở hữu	
Lãi suất phi rủi ro (*)	6,50%
Phần bù rủi ro thị trường	10%
Levered Beta	0,60
Chi phí vốn chủ sở hữu	12,53%
Tỷ lệ chiết khấu WACC	12,53%
(*) Lãi suất phi rủi ro lấy theo lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm	

Giá trị doanh nghiệp

Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền tự do (FCFF)	534.012
Giá trị doanh nghiệp cuối kỳ dự báo	
EBITDA cuối kỳ dự báo	425.255
Tỷ lệ EV/EBITDA	4,00
Giá trị doanh nghiệp cuối kỳ dự báo	1.701.020
Discount Factor	0,59
Giá trị hiện tại của giá trị doanh nghiệp cuối kỳ dự báo	1.000.005
% Giá trị doanh nghiệp	65,2%
Giá trị doanh nghiệp	1.534.017

Giá cổ phiếu

Giá trị phần vốn chủ sở hữu và giá cổ phiếu	
Giá trị doanh nghiệp	1.534.017
Trừ: Tổng nợ vay	-
Trừ: Cổ phiếu ưu đãi	-
Trừ: Lợi ích cổ đông thiểu số	-
Cộng: Tiền và tương đương tiền	207.485
Giá trị phần vốn chủ sở hữu	1.741.501
Số lượng cổ phiếu lưu hành	24.920.934
Giá cổ phiếu	69.882

Phân tích độ nhạy

Hai giả định ảnh hưởng lớn nhất đến giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF là tỷ lệ chiết khấu WACC và tỷ lệ EV/EBITDA cuối kỳ dự báo (dùng để ước tính giá trị doanh nghiệp cuối kỳ dự báo). Bảng sau đây phân tích độ nhạy của các giả định này:

		Tỷ lệ EV/EBITDA					
		69.882	3,5	4,0	4,5	5,0	5,5
Tỷ lệ chiết khấu WACC	13,00%	63.953	68.875	73.798	78.721	83.643	
	12,53%	64.866	69.882	74.898	79.914	84.929	
	12,00%	65.920	71.044	76.168	81.291	86.415	
	11,50%	66.940	72.168	77.395	82.623	87.851	
	11,00%	67.984	73.318	78.653	83.987	89.322	
	10,50%	69.053	74.497	79.941	85.385	90.829	

7.2 Phương pháp hệ số so sánh P/E

Khi sử dụng hệ số của nhóm các doanh nghiệp để so sánh cần phải lựa chọn các cổ phiếu của các doanh nghiệp tương đồng. Đối với trường hợp của NCTS, do hiện tại trên thị trường niêm yết chưa có cổ phiếu của công ty nào có hoạt động tương tự là phục vụ hàng hóa hàng không, việc lựa chọn nhóm doanh nghiệp so sánh được thực hiện một cách tương đối. Theo đó, các doanh nghiệp so sánh được lựa chọn đều nằm trong ngành logistics, cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, làm thủ tục hải quan, vận tải, lưu kho hàng hóa, chủ yếu phục vụ hàng hóa cảng biển thay vì cảng hàng không như NCTS. Các doanh nghiệp so sánh này tuy không tương đồng một cách tuyệt đối với NCTS nhưng việc lựa chọn này hoàn toàn có cơ sở vì sau khi NCTS niêm yết, công ty gần như sẽ được xếp cùng nhóm ngành logistic cùng với các doanh nghiệp này.

Dưới đây là nhóm công ty niêm yết tương đối tương đồng về dịch vụ được lựa chọn để so sánh:

BẢN CÁO BẠCH**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI**NCTS NAI BAI CARGO
TERMINAL SERVICES JSC

STT	Vốn hóa tại ngày 07/11/2014	Năm 2013										9 Tháng 2014	
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	LNST	Tổng vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Biên lợi nhuận gộp	Biên lợi nhuận ròng	Doanh thu/Tổng tài sản	LNST/Tổng TS cuối kỳ	LNST/VCSH cuối kỳ	VĐL	Tổng CSH
CTCP Cảng Đồng Nai (PDN)	296.352	202.768	78.752	44.886	279.947	372.706	38,84%	22,14%	54,40%	12,04%	16,03%	82.320	291.131
CTCP Kho vận miền Nam (STG)	217.983	661.257	120.543	24.061	135.784	187.518	18,23%	3,64%	352,64%	12,83%	17,72%	83.519	140.760
CTCP Cảng Đoạn Xá (DXP)	342.561	190.113	78.585	54.135	231.847	263.043	41,34%	28,48%	72,27%	20,58%	23,35%	78.750	221.228
CTCP Đại lý vận tải SAFI (SFI)	280.284	458.497	132.149	35.297	246.530	517.824	28,82%	7,70%	88,54%	6,82%	14,32%	91.937	249.766
CTCP Giao nhận vận tải Ngoại thương (VNT)	189.878	619.350	38.312	27.041	111.467	264.465	6,19%	4,37%	234,19%	10,22%	24,26%	54.720	111.933
Trung bình							26,68%	13,26%	160,41%	12,50%	19,14%		

Nguồn: Tổng hợp theo BCTC của các công ty

Chỉ số so sánh và giá cổ phiếu của các doanh nghiệp so sánh:

Tên Công ty	Giá đóng cửa tại ngày 07/11/2014	EPS 2013	P/E trailing
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	36.000	5.453	6,60
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (STG)	26.100	2.881	9,06
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (DXP)	43.500	6.875	6,33
Công ty Cổ phần Đại lý vận tải SAFI (SFI)	32.200	3.454	9,32
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương (VNT)	34.700	4.993	6,95
Trung bình			7,65

Với trung bình P/E của các doanh nghiệp so sánh là 7,65. Giá cổ phiếu NCTS được xác định như sau:

Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài:

LNST năm 2014 dự kiến theo kế hoạch kinh doanh	259.600	triệu đồng
SLCP lưu hành cuối năm 2014	24.920.934	cổ phiếu
EPS dự kiến năm 2014	10.417	đồng/cổ phiếu
P/E	7,65	

Giá cổ phiếu theo P/E

forward 2014 **79.712 đồng**

Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFE và phương pháp so sánh P/E được ưu tiên sử dụng rộng rãi trên thị trường và phù hợp với NCTS, thể hiện giá trị tiềm năng trong tương lai của doanh nghiệp cũng như mang tính thị trường cao. Tùy thuộc quan điểm của mỗi đối tượng nhà

đầu tư, giá cổ phiếu NCTS sẽ được đánh giá theo các góc độ khác nhau và tỷ trọng ưu tiên cho mỗi phương pháp định giá là khác nhau.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, Công ty dự kiến giá chào sàn trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài là 75.000 đồng/CP.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty cổ phần đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, cụ thể là tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty đến ngày 15/10/2014 là 0 cổ phiếu.

9. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất hiện hành là 22%. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật (Nghị định 164/2003/NĐ-CP và Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế) thì Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 06 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức ưu đãi thuế 20%.

Thuế chuyển nhượng chứng khoán: Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán dưới một trong hai hình thức: 20% thu nhập tính thuế hoặc 0,1% giá chuyển nhượng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Địa chỉ: Tầng 9 - Toà nhà HL - 82 Đường Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3755 7446

Fax: (84.4) 3755 7448

Website: www.uhyvietnam.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Nghị quyết + biên bản ĐHĐCĐ năm 2014 phê duyệt việc niêm yết
2. Giấy chứng nhận ĐKKD mới nhất
3. Giấy phép chuyên ngành
4. Điều lệ công ty
5. Quy chế quản trị công ty
6. Báo cáo kiểm toán vốn năm 2014
7. BCTC kiểm toán năm 2012
8. BCTC kiểm toán năm 2013
9. BCTC soát xét bán niên 2014
10. BCTC soát xét 9 tháng năm 2014

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI



Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Tạ Mạnh Hùng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đào Mạnh Kiên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Đặng Huy Khôi

**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

Ngô Quang Huy

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ KHU VỰC**



Nguyễn Ngọc Anh